

Chủ đề 2

NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.
- Phân tích được ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.
- Vẽ được sơ đồ các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.
- Viết được báo cáo phân tích ảnh hưởng của các nguồn lực đến sự phát triển một ngành kinh tế ở địa phương.



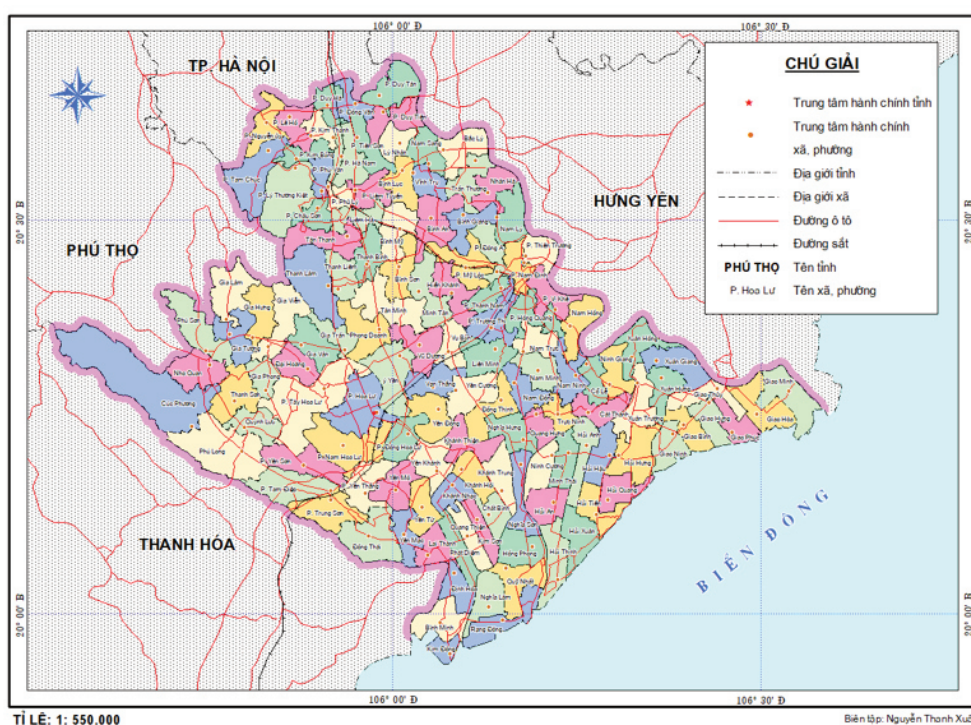
Hình 2.1. Lược đồ vị trí tỉnh Ninh Bình trong bản đồ Việt Nam

Bài 1. NGUỒN LỰC VỀ TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

A. KHỞI ĐỘNG

Ninh Bình là vùng đất cổ đô, trù phú ở ven biển phía nam Đồng bằng Sông Hồng với nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú. Sau quá trình hợp nhất, không gian phát triển mới đã giải phóng mọi nguồn lực giúp địa phương bứt phá, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, toàn diện và hội nhập sâu rộng.

Trong bối cảnh mới, các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình có đặc điểm và vai trò như thế nào?



Hình 2.2. Bản đồ hành chính tỉnh Ninh Bình

B. KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Tỉnh Ninh Bình có diện tích khoảng 3 942,6 km² (năm 2025) chiếm 1,19 % diện tích cả nước. Địa giới hành chính bao gồm 97 xã và 32 phường, tiếp giáp với thủ đô Hà Nội, các tỉnh Hưng Yên, Phú Thọ, Thanh Hoá và vịnh Bắc Bộ.

Tỉnh Ninh Bình là cửa ngõ phía nam đồng bằng Bắc Bộ, kết nối giữa ba vùng kinh tế lớn của đất nước (vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ,

vùng trung du miền núi phía Bắc). Nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch, Ninh Bình có nhiều điều kiện thuận lợi trong giao thương, logistics và thu hút vốn đầu tư. Đường bờ biển dài khoảng 90 km, vươn ra vịnh Bắc Bộ là lợi thế vượt trội để phát triển các ngành kinh tế biển. Không gian phát triển mới sẽ tạo động lực để Ninh Bình phát triển mạnh mẽ, hội nhập sâu rộng, bứt phá trong kỉ nguyên vươn mình của dân tộc.

Đọc mục 1 và quan sát hình 2.1, hãy trình bày đặc điểm và phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.

2. Nguồn lực tự nhiên

2.1. Địa hình

Ninh Bình có địa hình đa dạng gồm đồng bằng, đồi núi, vùng nửa đồi núi, vùng trũng và vùng ven biển. Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

Địa hình đồi núi, nửa đồi núi chủ yếu là núi đá vôi, núi thạch sét, đồi đất đan xen các thung lũng lòng chảo hẹp. Dạng địa hình này chiếm khoảng 15 % diện tích tự nhiên của tỉnh, phân bố chủ yếu ở phía tây và tây bắc, là bộ phận của dải đá vôi kéo dài từ Mỹ Đức – Hà Nội qua phường Kim Bảng đến Đồng Giao – Ninh Bình. Vùng núi có sự tương phản khá rõ, mức độ xâm thực mạnh tạo nên nhiều dạng địa hình độc đáo như các hang động cat-xơ, khe rãnh với nhiều cảnh quan đẹp có thể phát triển du lịch.

Em có biết: Ninh Bình được ví như “Hạ Long cạn” với những khu vực địa hình cat-xơ ở quần thể danh thắng Tràng An, Tam Cốc Bích Động, Ngũ động Thi Sơn,... Đây là dạng địa hình có ý nghĩa rất lớn trong phát triển du lịch của tỉnh.



Hình 2.3. Danh thắng Tràng An (phường Nam và Tây Hoa Lư)

(Nguồn: baoninhbinh.org.vn)

Khu vực đồng bằng chiếm phần lớn diện tích của tỉnh, gồm đồng bằng châu thổ sông và đồng bằng ven biển. Dải đồng bằng phù sa sông có độ cao trung bình 2 – 3 m, đất đai màu mỡ có nhiều tiềm năng phát triển nông nghiệp. Dải đồng bằng ven biển ở phía đông nam bị chia cắt bởi các cửa sông lớn có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển.

Dựa vào nội dung mục 2.1 và quan sát hình 2.3, hãy nêu đặc điểm và phân tích ảnh hưởng của địa hình đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.

2.2. Đất

Ở Ninh Bình có nhiều nhóm đất khác nhau.

Nhóm đất phù sa sông chiếm khoảng 34,55 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh, được hình thành do kết quả lắng đọng phù sa của hệ thống sông Hồng. Đây là loại đất có độ phì cao, thích hợp trồng cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm. Tuy nhiên, chất lượng đất đang bị suy thoái, diện tích có xu hướng giảm do cường độ canh tác cao, quá trình sản xuất lạm dụng nhiều phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật, do sức ép của dân số, tác động của quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá,...

Nhóm đất đỏ vàng có diện tích khoảng 14,13 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh, phân bố chủ yếu ở các xã Nho Quan, Phường Tam Điệp, xã Gia Viễn,... phù hợp với phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp hàng năm và hoa màu. Đây là loại đất chua dễ bị rửa trôi, do vậy để duy trì độ phì cho đất cần kết hợp bón phân hữu cơ với nhiều biện pháp bảo vệ đất cần thiết khác.

Nhóm đất mặn chiếm khoảng 2,94 % diện tích tự nhiên của tỉnh, được hình thành trên trầm tích biển và trầm tích sông biển. Loại đất này phân bố chủ yếu ở các xã Kim Đông, Bình Minh, Hải Thịnh,... Đây là loại đất thích hợp cho làm muối, nuôi thủy sản và trồng rừng ngập mặn.

Ngoài ra ở Ninh Bình còn có một số nhóm đất khác như đất cát biển, đất thung lũng, đất xám bạc màu, đất đen, đất glây,... các loại đất này có diện tích không đáng kể và phân bố rải rác trên địa bàn tỉnh.

Đất tự nhiên được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau: sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối,... Trong đó, đất nông nghiệp có xu hướng giảm nhẹ, đất phi nông nghiệp tăng nhanh do kết quả của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá.

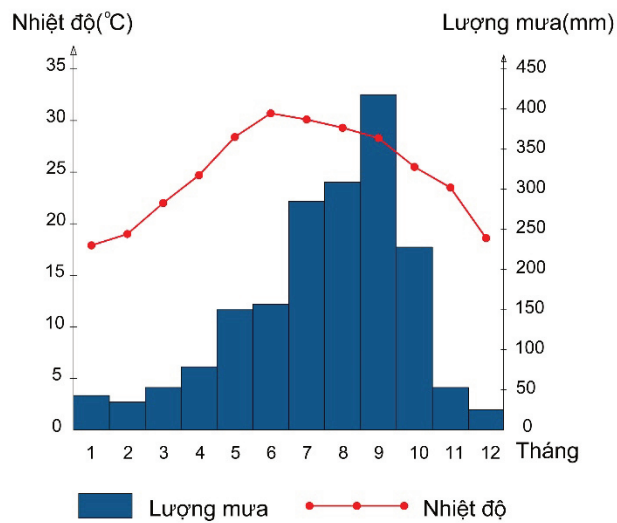
Dựa vào nội dung mục 2.2, hãy nêu đặc điểm các nhóm đất của tỉnh Ninh Bình. Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên đất đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

2.3. Khí hậu

Khí hậu Ninh Bình mang đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc nước ta là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23 – 24 °C, trong đó có 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 20 °C (tháng 12, 1, 2). Tổng số giờ nắng trung bình từ 1 600 – 1 700 giờ nắng/năm. Tổng lượng mưa trong năm khoảng 1 800 – 1 900 mm. Độ ẩm không khí trung bình năm 82 %. Lượng nhiệt

ảm dồi dào thuận lợi cho thâm canh tăng vụ. Ngoài các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới, Ninh Bình còn có các sản phẩm á nhiệt đới được trồng vào vụ đông.

Tuy nhiên, Ninh Bình cũng nằm trong vùng chịu ảnh hưởng lớn của thiên tai và biến đổi khí hậu, nhất là bão, áp thấp nhiệt đới và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác như lốc xoáy, nắng nóng kéo dài, rét đậm rét hại,...



Hình 2.4. Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Ninh Bình

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình)

Đọc nội dung mục 2.3, quan sát hình 2.4, hãy nêu đặc điểm khí hậu của tỉnh Ninh Bình. Cho biết đặc điểm đó có ảnh hưởng như nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?

2.4. Nguồn nước

Ninh Bình có hệ thống sông ngòi khá dày đặc với mật độ trung bình 1,0 – 1,3 km/km². Tổng chiều dài của các con sông trên toàn tỉnh khoảng 1 599 km, trong đó có nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Ninh Cơ,... Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc – đông nam và đổ ra vịnh Bắc Bộ. Tổng lượng nước mặt khoảng 100,5 tỉ m³/năm. Chế độ nước sông phân mùa rõ rệt, trong đó mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10 chiếm khoảng 70 – 80 % lượng nước cả năm. Hệ thống sông ngòi cung cấp nước và phù sa cho sản xuất nông nghiệp, là môi trường phát triển các hoạt động nuôi trồng thủy sản và giao thông vận tải. Ngoài ra Ninh Bình còn có nhiều hồ, đầm như hồ Tam Chúc, hồ Vị Xuyên, hồ Đồng Chương, hồ Yên Thắng, đầm Vân Long, đầm Cút,... Các hồ, đầm này được khai thác để phát triển du lịch và nuôi thủy sản.

Nguồn nước ngầm trên địa bàn tỉnh phong phú với tổng trữ lượng tài nguyên nước ngầm khoảng 1 triệu m³/ngày. Các suối nước khoáng nóng Kênh Gà, Thường Sung có giá trị kinh tế cao.

Tuy nhiên nguồn nước gần đây bị ô nhiễm đã ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt.



Hình 2.5. Hồ Yên Thắng (xã Đồng Thái)

(Nguồn: Vũ Thế Minh)

Đọc nội dung mục 2.4 quan sát hình 2.5, hãy phân tích những thuận lợi và khó khăn của nguồn nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.

2.5. Sinh vật

Ninh Bình là địa phương có hệ sinh thái đa dạng và phong phú: rừng trên núi đá vôi, hệ sinh thái gò đồi, hệ sinh thái vùng đồng bằng, hệ sinh thái đất ngập nước và hệ sinh thái vùng ven biển.

Diện tích đất lâm nghiệp có rừng của tỉnh khoảng 37,6 nghìn ha (2024) chiếm 9,4 % diện tích đất tự nhiên của tỉnh bao gồm: rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Rừng đặc dụng có diện tích lớn nhất khoảng 18,3 nghìn ha (chiếm 47,78 % diện tích đất lâm nghiệp), phân bố trong khu vực vườn quốc gia Cúc Phương và vườn quốc gia Xuân Thủy.

Về thực vật, Ninh Bình có 3 714 loài thực vật bậc cao và 378 loài thực vật bậc thấp phân bố ở nhiều sinh cảnh khác nhau từ rừng núi đá vôi, đất ngập nước đến đồng bằng, trong đó có nhiều loài thực vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam như Nghiến, Tuế lá rộng, Vạn Tuế, Thiên Tuế, Găng Nghèo,...

Hệ động vật phong phú với 143 loài thú, 602 loài chim, 161 loài bò sát lưỡng cư, 303 loài cá,... Nguồn lợi thủy hải sản trong tỉnh cũng khá phong phú. Một số loài có giá trị kinh tế cao như: ngao, tôm, sứa, rong câu chỉ vàng. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế.

Em có biết: Vườn quốc gia Cúc Phương thuộc địa phận của ba tỉnh là Ninh Bình, Thanh Hoá và Phú Thọ với tổng diện tích 22 400 ha, trong đó 90 % diện tích thuộc tỉnh Ninh Bình, là vườn quốc gia đầu tiên tại Việt Nam, được thành lập năm 1962, sở hữu hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới nguyên sinh vô cùng phong phú. Hệ động, thực vật trong vườn quốc gia Cúc Phương chiếm khoảng 25 % tổng số loài thực vật đã được xác định ở Việt Nam, trong đó có 307 loài chim, 89 loài thú, 67 loài bò sát, 16 loài lưỡng cư, 1 800 loài côn trùng. Vườn quốc gia Cúc Phương liên tục được vinh danh là vườn quốc gia hàng đầu Châu Á từ năm 2019 – 2021 và là một điểm đến hàng đầu cho du lịch sinh thái và bảo tồn thiên nhiên.



Hình 2.6. Vượn quần đùi trắng tại khu bảo tồn thiên nhiên ngập nước Vân Long (xã Gia Vân, Gia Viễn, Gia Hoà)
(Nguồn: baoninhbinh.org.vn)

Đọc nội dung mục 2.5 và quan sát hình 2.6, hãy nêu đặc điểm và phân tích ảnh hưởng của tài nguyên sinh vật đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình?

2.6. Khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản của tỉnh Ninh Bình không nhiều.

Khoáng sản nhiên liệu có than đá, than nâu, than mỡ, than bùn, trong đó có trữ lượng lớn nhất là than bùn gần 10 triệu tấn.

Khoáng sản vật liệu xây dựng là tài nguyên có ý nghĩa rất lớn đối với phát triển kinh tế của tỉnh. Trong đó, nổi bật là đá vôi xi măng, sét xi măng.

Đá vôi xi măng có 26 mỏ, tổng trữ lượng 3 657,759 triệu tấn (1 463,104 triệu m³) và đá vôi hoá chất có 01 mỏ, trữ lượng 32 866 triệu tấn (13,146 triệu m³),

phân bố ở phía tây, thuộc phường Lý Thường Kiệt, Nguyễn Úy, xã Thanh Bình, Thanh Lâm và Tân Thanh. Trong đó, đá vôi ở 2 mỏ Thanh Sơn và Kiện Khê có độ tinh khiết cao, không những đạt chỉ tiêu sản xuất xi măng mà còn đáp ứng chỉ tiêu sản xuất các nguyên liệu hoá học.

Sét xi măng có 22 mỏ, tổng trữ lượng 539,640 triệu tấn (359,760 triệu m³), phân bố chủ yếu ở các xã Thanh Bình, Thanh Liêm, Tân Thanh và phường Lý Thường Kiệt thuận tiện cho việc khai thác và sản xuất xi măng.

Sét làm gạch ngói có trữ lượng trên 20,84 triệu m³ phân bố rải rác ở khu vực đồng bằng trong tỉnh.

Cát xây dựng đang được khai thác ở các bãi bồi giữa lòng và ven sông Đáy, sông Hồng, sông Châu Giang, sông Ninh Cơ, sông Đào với 14 điểm mỏ trữ lượng khai thác trên 67 nghìn m³/năm.

Khoáng sản phi kim như Pyrit, Dolomit, phosphorit có trữ lượng từ vài triệu tấn đến hàng tỉ tấn.

Tài nguyên năng lượng: Ninh Bình được đánh giá là tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển tài nguyên năng lượng như điện mặt trời, điện gió và điện sinh khối. Trong thời gian tới, các dự án đi vào hoạt động không chỉ tạo ra nguồn năng lượng dồi dào phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội mà còn giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động đóng góp vào ngân sách nhà nước hàng trăm tỉ đồng mỗi năm.

Khoáng sản ở Ninh Bình là nguồn nguyên liệu quan trọng cho các ngành công nghiệp khai thác chế biến nguyên liệu sản xuất xi măng, phân bón hoá học, sản xuất vật liệu xây dựng-

Tuy nhiên hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã làm biến đổi cảnh quan và cũng gây ra nhiều vấn đề về môi trường.

2.7. Tài nguyên biển

Tỉnh Ninh Bình có đường bờ biển dài gần 90 km với nhiều cửa sông lớn nên quá trình bồi tụ diễn ra mạnh.

Vùng ven biển có hệ sinh thái đa dạng gồm rừng ngập mặn, bãi triều, đầm lầy. Đặc biệt, vườn quốc gia Xuân Thủy có vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái đất ngập nước.

Vùng biển và các cửa sông có nguồn lợi thủy, hải sản phong phú với nhiều loài có giá trị kinh tế như tôm, cua, cá, ngao, sò,... Trữ lượng nguồn lợi ước tính khoảng hơn 170 nghìn tấn. Khả năng khai thác hàng năm đạt khoảng 80 000 – 100 000 tấn. Các bãi triều và vùng nước lợ thuận lợi cho nuôi ngao, tôm, cua và nhiều loài thủy sản khác. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho nghề muối với các cánh đồng muối như Hải Lý, Hải Chính, Bạch Long.

Các cửa sông rộng tạo điều kiện phát triển cảng biển và dịch vụ hậu cần. Các bãi biển Quát Lâm và Thịnh Long đang thu hút khách du lịch, khu vực Cồn Lu, Cồn Ngạn, Cồn Nôi có giá trị lớn về du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, hiện tượng sạt lở bờ biển có xu hướng gia tăng. Việc khai thác và nuôi trồng chưa hợp lý có thể làm suy giảm nguồn lợi thủy sản và gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, phát triển kinh tế biển cần gắn với khai thác hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Em có biết: Vườn quốc gia Xuân Thủy nằm ở phía nam cửa sông Hồng, thuộc xã Giao Minh, tỉnh Ninh Bình, tiêu biểu cho hệ sinh thái đất ngập nước cửa sông ven biển Việt Nam. Năm 1989, khu vực này được công nhận là khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam và Đông Nam Á, thứ 409 của thế giới, khẳng định giá trị nổi bật về đa dạng sinh học và sinh thái của vườn quốc gia.



Hình 2.7. Vườn quốc gia Xuân Thủy (xã Giao Minh)

(Nguồn: Lê Việt Thắng)

Dựa vào thông tin mục 2.6 và quan sát hình 2.7, hãy phân tích thế mạnh và hạn chế trong phát triển các ngành kinh tế biển ở tỉnh Ninh Bình.

3. Nguồn lực kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình

3.1. Dân số và nguồn lao động

a) Dân số

Dân số là một trong những nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình

Sau sáp nhập, tỉnh Ninh Bình có dân số trên 3 844 nghìn người (2025), đứng thứ 5/34 tỉnh, thành phố và chiếm khoảng 3,8 % dân số cả nước (sau Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai và Hải Phòng).

Tốc độ gia tăng dân số trung bình khoảng 1 %/năm, trong đó số người di cư khỏi địa phương có xu hướng cao hơn số người chuyển đến định cư.

Cũng như các địa phương khác trong cả nước, Ninh Bình có cơ cấu “dân số vàng” với tỉ lệ người trong độ tuổi lao động chiếm trên 65 %. Đây là nguồn lực quan trọng đối với các hoạt động sản xuất tại địa phương.

Năm 2025, mật độ dân số của tỉnh khoảng 974 người/km². Tuy nhiên, dân cư phân bố không đều. Dân số nông thôn chiếm khoảng 67,8 % tổng số dân, xu hướng giảm dần. Dân số thành thị chiếm khoảng 32,2 % tổng số dân nhưng có xu hướng ngày càng tăng. Ở các vùng đồng bằng và ven biển dân cư tập trung đông hơn ở các vùng đồi, núi phía tây.

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu về dân số và lao động của tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2010 – 2025)

Chỉ tiêu	Năm			
	2010	2015	2020	2025
Dân số (nghìn người)	3 518	3 579	3 636	3 844
Dân số thành thị (%)	16,1	17,8	22,3	22,8
Dân số nông thôn (%)	83,9	82,2	77,7	77,2
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	0,11	0,47	0,45	1,20
Mật độ dân số (người/km ²)	904	917	928	974

(Nguồn: Tính toán từ Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn 2050; Niên giám thống kê tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình qua các năm)

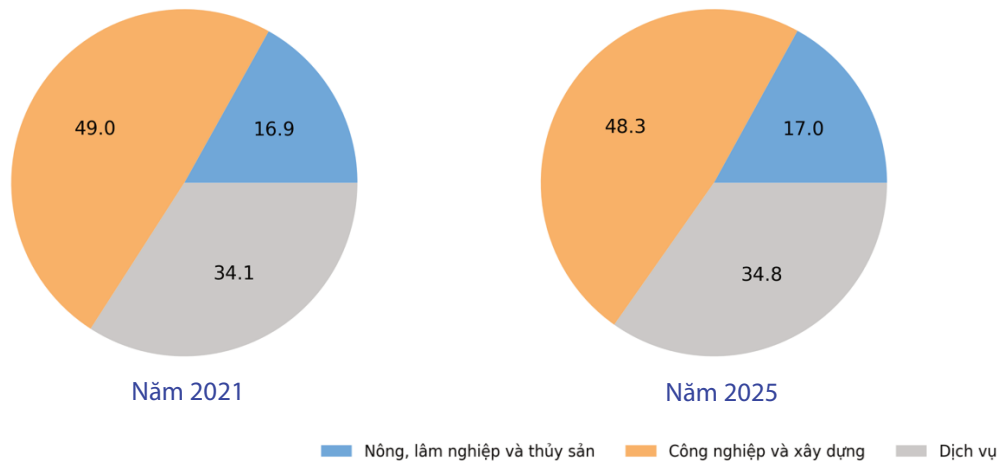
Sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình chủ yếu là người Kinh, ngoài ra còn có người Mường, người Tày, người Thái, người Hoa, người Dao,... Mỗi dân tộc có sắc thái văn hoá độc đáo riêng, đó là tiềm năng phát triển kinh tế quan trọng của địa phương.

b) Lao động

Ninh Bình có nguồn lao động khá dồi dào. Năm 2025, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm khoảng 53,8 % dân số toàn tỉnh.

Do những thành tựu của công tác giáo dục và đào tạo nghề, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ có xu hướng tăng liên tục, từ 14,9 % (2010) lên 30,4 % (năm 2025).

Cơ cấu lao động theo ngành có sự chuyển dịch tích cực.



Hình 2.8. Cơ cấu lao động tỉnh Ninh Bình phân theo ngành kinh tế

Dựa vào thông tin mục 3.1 và quan sát bảng 2.1, hình 2.8, hãy phân tích ảnh hưởng của dân số và lao động đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Ninh Bình.

3.2. Thị trường

Thị trường tiêu thụ của các ngành kinh tế ở Ninh Bình đa dạng và ngày càng mở rộng. Lợi thế về thị trường là dân số đông và các ngành kinh tế của tỉnh phát triển mạnh với nhu cầu cung ứng, phân phối nguyên, vật liệu và sản phẩm ngày càng tăng cao.

Công nghệ mới giúp Ninh Bình tăng cường kết nối với thị trường trong và ngoài nước, khai thác hiệu quả các tiềm năng phát triển, gia tăng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và rút ngắn khoảng cách phát triển với các địa phương khác.

Việc kí kết và thực hiện các hiệp ước thương mại với nhiều nước trên thế giới giúp các doanh nghiệp nội địa nói chung và doanh nghiệp của Ninh Bình nói riêng tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực, nâng cao năng lực sản xuất, xuất khẩu và cạnh tranh. Đây là cơ hội thuận lợi để Ninh Bình thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kết nối vùng và hội nhập kinh tế quốc tế.

3.3. Văn hoá

Nằm ở nơi tiếp giáp, giao thoa giữa nhiều vùng văn hoá của đất nước nên Ninh Bình luôn là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, giàu bản sắc văn hoá – văn hiến, đậm chất cổ đô và hào khí “Đông A”.

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có khoảng 1 106 di tích đã được xếp hạng (trong đó quần thể danh thắng Tràng An được công nhận là di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới và 10 di tích quốc gia đặc biệt khác); 17 bảo vật quốc gia (trống đồng Ngọc Lũ, cột kinh phật chùa Nhất Trụ,...); 01 di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh (Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt) và 40 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Đây cũng là nơi phát tích và lưu

giữ di sản của Thánh mẫu Liễu Hạnh và Đức thánh Trần (02 trong tứ bất tử của người Việt).

Gắn liền với các di tích là các nghi lễ dân gian: lễ hội Tịch Điền Đọi Sơn, lễ phát lương Đức thánh Trần, lễ hội Phủ Dầy, lễ hội đền Trần, lễ hội Tràng An,...

Loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của Ninh Bình là hát Châu văn, Ca trù và hát Xẩm.

Nhiều làng nghề truyền thống ở Ninh Bình đã có lịch sử hàng trăm, nghìn năm như: đúc đồng Tống Xá, chạm khắc gỗ La Xuyên, trồng Đọi Tam, hoa cây cảnh Vị Khê, thêu ren Văn Lâm, chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân,...

Có thể thấy không gian văn hoá đặc sắc, đa dạng, năng động của đất và người Ninh Bình đã tạo nên sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước.

3.4. Vốn đầu tư

Tỉnh Ninh Bình đã tích cực huy động vốn từ các thành phần kinh tế bằng nhiều hình thức với môi trường đầu tư kinh doanh và các cơ chế ưu đãi đầu tư hấp dẫn.

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội luôn chiếm tỉ trọng cao so với tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) và nằm trong nhóm cao nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Bảng 2.2. Vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh Ninh Bình qua các thời kì

Chỉ tiêu	Giai đoạn		
	2011 – 2015	2016 – 2020	2021 – 2025
Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (tỉ đồng)	267 485	418 633	654 799
Tỉ lệ so với GRDP (%)	55,8	56,5	46,73
Trong đó: Vốn đầu tư nước ngoài (tỉ USD)	1,06	2,05	2,94

(Nguồn: Quy hoạch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050)

Nguồn vốn huy động được ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghiệp chế biến, chế tạo thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 2,8 %; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34,9 %, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 62,3 % tổng nguồn vốn.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng thể hiện vai trò quan trọng với 275 dự án được cấp mới (2025).

Em có biết: Đến năm 2025, nhiều dự án lớn được triển khai trên địa bàn tỉnh như: dự án sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi máy tính, dự án sản xuất các sản phẩm nhựa và sản phẩm Melamin (khu công nghiệp Mỹ Thuận) có tổng mức đầu tư lần lượt là 120 và 77 triệu USD; dự án VSIP Nam Định có tổng mức đầu tư 102,4 triệu USD,...

(Nguồn: Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025)

3.5. Chính sách phát triển

Ninh Bình là một trong những địa phương có tốc độ bứt phá kinh tế điển hình ở vùng Đồng bằng sông Hồng nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền địa phương. Các chính sách được ban hành với phương châm chuyển từ “thu hút bằng số lượng” sang “thu hút nhà đầu tư chiến lược có công nghệ cao và năng lực quản trị hiện đại”, tập trung chủ yếu vào các vấn đề chuyển đổi số, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế biển, phát triển công nghiệp, bảo tồn di sản,... đáp ứng yêu cầu thực tiễn địa phương. Cải cách hành chính được đẩy mạnh. Các chỉ số đo lường hiệu quả quản trị, sức cạnh tranh địa phương (PCI¹, SIPAS², PAR INDEX³) của Ninh Bình được cải thiện đáng kể.

Hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư và phát triển nguồn nhân lực là các điều kiện tiên quyết, đã và đang tạo ra động lực tăng trưởng cho tỉnh Ninh Bình.

Dựa vào thông tin mục 3.2 – 3.5 và quan sát bảng 2.2, hãy phân tích tác động của thị trường, văn hoá, vốn đầu tư và chính sách phát triển đến các hoạt động kinh tế – xã hội ở tỉnh Ninh Bình.

3.6. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, kĩ thuật

a) Giao thông vận tải

Ninh Bình là một trong những đầu mối giao thông vận tải lớn của vùng Đồng bằng sông Hồng với mạng lưới vận tải gồm nhiều loại, phân bố rộng khắp, góp phần quan trọng trong việc rút ngắn khoảng cách địa lí giữa Ninh Bình với các tỉnh trong nước và với các nước khác trên thế giới.

Năm 2025, tổng chiều dài đường bộ toàn tỉnh khoảng 7 311 km, mật độ đường khoảng 1,87 km/km², cao hơn mật độ trung bình cả nước (mật độ trung bình cả nước là 0,81 km/km²), trong đó có 02 tuyến cao tốc quan trọng với tổng

¹ PCI (Provincial Competitiveness Index): Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

² SIPAS (Satisfaction Index of Public Administrative Services): Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

³ PAR INDEX (Public Administration Reform Index): Chỉ số cải cách hành chính.

chiều dài đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình khoảng 78,3 km, quy mô cao tốc 6 làn xe là cao tốc Bắc – Nam phía Đông (73,8 km) và cao tốc Hưng Yên – Thái Bình (4,5 km).

Các tuyến đường sắt qua địa bàn là đường sắt Bắc – Nam và 03 tuyến nhánh đường sắt chuyên dùng với 14 ga. Hiện tại Ninh Bình đang triển khai quy hoạch và xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam (320 – 350 km/h), bao gồm các đoạn qua khu vực Liêm Tuyền – Phủ Lý – Nam Định – Ninh Bình – Tam Điệp tổng chiều dài khoảng 107 km.

Hệ thống giao thông đường thủy gồm 17 tuyến sông, kênh phân bố rộng khắp với tổng chiều dài 922 km; 02 cảng biển (cảng Nam Định, cảng Ninh Bình) và khoảng 47 bến, cảng hàng hoá nội địa đang hoạt động.

Cùng với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống kho bãi, bến cảng đáp ứng tốt nhu cầu vận tải, phân phối hàng hoá và hình thành một số trung tâm logistics cấp tỉnh (khu vực Đồng Văn – Phủ Lý, khu vực Ninh Phúc – Khánh Phú).

b) Điện

Hệ thống cấp phát điện của Ninh Bình cũng đã được đầu tư xây dựng với 01 trạm biến áp TBA 500 KV (Nho Quan), tổng dung lượng 1 800 MVA, 06 tuyến đường dây 500 KV với tổng chiều dài 1 216,1 km. Hệ thống điện đã tới được 100 % số xã, phường trên địa bàn. Tất cả các hộ gia đình đã được sử dụng điện lưới quốc gia. Sự cố điện giảm; chất lượng nguồn điện và lưới điện ngày càng được nâng cấp phục vụ đắc lực cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.

c) Thủy lợi

Hiện nay, Ninh Bình có bảy hệ thống công trình thủy lợi trong đó hai hệ thống công trình thủy lợi lớn là hệ thống thủy lợi sông Nhuệ và hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà. Hàng năm các công trình thủy lợi nội đồng đều được nạo vét, tu bổ sửa chữa nâng cấp phục vụ kịp thời nhu cầu tưới tiêu trên địa bàn.

d) Bưu chính viễn thông

Ninh Bình cũng đã và đang tiến hành đầu tư, nâng cấp mạng lưới thông tin liên lạc trên địa bàn toàn tỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới. Hệ thống điểm phục vụ bưu chính gồm 562 điểm và 24 doanh nghiệp bưu chính, chuyên phát hoạt động chính thức. Vùng phủ sóng thông tin di động, hạ tầng internet băng rộng ngày càng được mở rộng đến tận thôn, tổ dân phố sẵn sàng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Dựa vào thông tin mục 3.6, hãy phân tích ảnh hưởng của cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn mới.

C. LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ các nguồn lực về tự nhiên và kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.
2. Kể tên và phân tích ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, nơi em sinh sống.

D. VẬN DỤNG

1. Hãy lựa chọn và hoàn thành một ấn phẩm truyền thông giới thiệu các nguồn lực bên ngoài có ảnh hưởng đến sự phát triển ngành du lịch (hoặc nông nghiệp) của tỉnh Ninh Bình.
2. Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một nguồn lực quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế của địa phương.

Bài 2. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA NGUỒN LỰC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN MỘT NGÀNH KINH TẾ Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Nội dung thực hành

Thu thập tài liệu và viết báo cáo về các nguồn lực để phát triển một ngành kinh tế ở địa phương.

2. Gợi ý nội dung báo cáo và thu thập tài liệu

2.1. Gợi ý nội dung báo cáo

- Giới thiệu khái quát về địa phương nơi em đang sinh sống.
- Tìm hiểu về một ngành kinh tế ở địa phương và phân tích ảnh hưởng của các nguồn lực (vị trí địa lí, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực kinh tế – xã hội) đối với sự phát triển ngành kinh tế đó.

2.2. Gợi ý thu thập tài liệu

- Thu thập tài liệu về các nghị quyết, quyết định liên quan đến nguồn lực, tình hình phát triển kinh tế – xã hội, phương hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình từ các thông tin điện tử:
 - + <https://ninhbinh.gov.vn/kinh-te>;
 - + <https://iza.ninhbinh.gov.vn/>;
 - + <https://quydautuphat trien.ninhbinh.gov.vn/>;
- Các nguồn tài liệu đã xuất bản, tranh ảnh, video,... có liên quan đến kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.

Chủ đề 3

CA DAO – DÂN CA NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được bối cảnh văn hoá của ca dao, dân ca tỉnh Ninh Bình.
- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong ca dao, dân ca tỉnh Ninh như từ ngữ, hình ảnh, nhân vật trữ tình,...
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của một số bài ca dao, dân ca tỉnh Ninh Bình.
- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một bài ca dao, dân ca.
- Yêu mến, tự hào về vốn ca dao – dân ca của tỉnh Ninh Bình, tự hào về truyền thống văn hoá của quê hương, trân trọng khát vọng hạnh phúc của con người Ninh Bình.

Bài 1. DÂN CA NINH BÌNH

A. KHỞI ĐỘNG



Hình 3.1. Tranh minh họa của AI

1. Hãy đọc hoặc hát một bài dân ca mà em thích nhất. Điều gì khiến bài ca ấy được lưu lại mãi trong tâm trí của em?
2. Em thường có cảm xúc gì khi nghe những làn điệu dân ca giao duyên? Hãy lí giải vì sao em có cảm xúc ấy.

B. KHÁM PHÁ

1. Văn bản

1.1. Văn bản 1

HÁT TRỐNG QUÂN¹ TRÊN THUYỀN

(trích)

...

*Câu thương trước liệu bày ra,
Thương người, thương cả đường ra lối vào.
Thương người, thương cái cầu ao,
Người đi xuống đáy hôm nào rửa chân.
Thương người, thương cả cái sân,
Người ngồi, người hát, tôi lần nòng hong².
Thương người thương cả cái sông,
Thuyền lòng bóng nước, người lòng bóng trăng.
Thương người thương cả bóng trăng,
Tôi ngồi, tôi đối tôi đặng với người.
Thương người, thương cả cái coi,
Người nhật một miếng người mời tôi ăn.
Thương người, thương cả cái khăn,
Người che môi thắm, người giăng lên đầu.
Thương người, thương cả miếng trầu,
Mười miếng đều hạt như nhau cả mười.*

...

*Sang câu nhớ, tôi kể rành rành,
Nhớ tựa trước màn, nhớ đứng trước hiên.
Nhớ ngồi chả vừng, nhớ đứng chả yên,
Năm thời lại nhớ, nhớ lên bờ bờ.
Ăn lấy một bát cầm hơi,
Nào biết đưa lời mà hỏi han ai?*

¹ Hát Trống quân: Là loại dân ca đối đáp thử tài đua trí với nội dung trao duyên, trao cả những nhận biết và kinh nghiệm sống giữa nam nữ thanh niên. Hát Trống quân thuộc dạng hát nói, hát kể, nương theo niêm luật và thanh điệu từ ngữ của thơ lục bát, song thất lục bát, đôi khi là cả một bài thất ngôn bát cú.

² Nòng hong: Dây thừng bện và cuộn lại thành cuộn tròn như quả bưởi, gọi là quả nòng hong.

Nhớ sao lại có nhớ dai,
Nhớ đập chẳng vỡ, nhớ mài chẳng hao!
Nhớ sao trong dạ nôn nao,
Nhìn ra vườn đào nhớ lại càng thêm.
Rũ khăn, rũ áo, rũ mền,
Càng rũ, nhớ lại càng nêm chặt vào.
Khoả chân ở cái cầu ao,
Cho tan cái nhớ, trở vào nhớ lại theo sau!
Vội vàng bứt cái quả bầu,
Ăn cho đỡ nhớ bỗng đâu nhớ kẻ?...

(Theo Văn nghệ dân gian Hà Nam, Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam, 2000,
tr.300 – 301)

1. Nêu mạch cảm xúc của đoạn trích.
2. Theo em, mạch cảm xúc trong đoạn trích có thống nhất với nhau không? Vì sao?
3. Chỉ ra biện pháp tu từ tiêu biểu diễn tả tâm trạng nhân vật trữ tình trong đoạn trích trên.
4. Nhận xét về các hình ảnh và từ ngữ được dùng để gợi tả tâm trạng nhân vật trữ tình trong những câu hát trống quân.
5. Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của người bình dân Ninh Bình qua đoạn trích.

1.2. Văn bản 2

HÁT MỤA

(Dân ca giao duyên¹ vùng ngã ba sông Móng)

Trên trời có đám mây xanh,
Có con ngựa bạch chạy quanh gầm trời.
Đôi ta muốn lấy nhau chơi,
Cái duyên không định ông trời không xe.
Những nơi chết dấp bờ tre,
Cái duyên cứ định trời xe em vào.
Ba đồng một sợi chỉ đào,

¹ Hát giao duyên vùng ngã ba sông Móng có nguồn gốc từ hát đối, thuộc thể hát đối ca một giọng tức là cả hai bên nam, nữ hát chung một bài hát có cùng một làn điệu. Nhưng mục đích đối ý về sau mờ nhạt dần, chất trữ tình nổi trội lên. Dân ca giao duyên vùng ngã ba sông Móng lấy chất liệu từ cuộc sống, từ các câu chuyện dã sử, từ câu chuyện dân gian,...

*Áo gấm không vá, vá vào áo tôi.
Cực lòng thiếp lắm chàng ơi,
Biết rằng lên ngược xuống xuôi cũng đành.*

(Địa chỉ Hà Nam, NXB Khoa học xã hội, 2005, tr.963 – 964)

1. Xác định chủ thể trữ tình của lời ca.
2. Nhân vật trữ tình trong bài ca đang ở tình cảnh nào? Tình cảnh đó làm nảy sinh những tâm trạng gì?
3. Bài ca được làm theo dạng đối cảnh sinh tình của thể hứng. Cảnh và tình trong bài ca có mối quan hệ với nhau như thế nào?
4. Nhân vật trữ tình muốn nói điều gì qua hai câu: “Ba đồng một sợi chỉ đào/ Áo gấm không vá, vá vào áo tôi”?
5. Lời than “Cực lòng thiếp lắm chàng ơi/ Biết rằng lên ngược xuống xuôi cũng đành” gợi cho em cảm xúc, suy ngẫm gì?

2. Em cần nhớ

Dân ca là hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian gắn với đời sống lao động và giao duyên của nhân dân, thường được thể hiện qua hình thức hát đối đáp nam nữ. Các bài dân ca giao duyên bộc lộ tình cảm yêu thương, nhớ nhung, khát vọng hạnh phúc của người dân một cách chân thành, tinh tế và giàu cảm xúc. Dân ca vùng Ninh Bình và khu vực lân cận còn phản ánh không gian sinh hoạt sông nước, làng quê và phong tục giao duyên đặc sắc của cư dân địa phương. Qua đó, dân ca góp phần lưu giữ vẻ đẹp tâm hồn, lối sống nghĩa tình và bản sắc văn hoá truyền thống của cộng đồng.

C. LUYỆN TẬP

1. Trích đoạn dân ca *Hát trống quân trên thuyền* và bài dân ca *Hát mưa* giúp em hiểu được gì về đặc điểm nội dung và hình thức của dân ca Việt Nam nói chung và dân ca Ninh Bình nói riêng?
2. Vẽ sơ đồ hoặc lập bảng tổng hợp về các văn bản đã học theo gợi ý sau:

Tên văn bản	Nhân vật trữ tình	Tâm trạng	Nghệ thuật nổi bật
?	?	?	?

D. VẬN DỤNG

1. Thực hành đọc văn bản sau:

TRẦY QUÂN (Hát Dặm¹ Quyển Sơn)

*Hồi quân hồi quân
Quân ta đã về
Đánh đã được giặc
Đánh đã lai hàng
Là ta đẩy thuyền về
Đẩy thuyền ta xá chèo thuyền
Năm ba mái xem thuyền có nhẹ chãng
Sào kia chặt đất khăng khăng
Ta khá nhỏ dầm, nhỏ lầy sào lên
Cát quân đi đánh Chiêm Thành
Bắt được tướng nó giao binh khái hoàn.*

(Theo Văn nghệ dân gian Hà Nam, Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam, 2000, tr.265)

* Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Xác định nội dung văn bản.
 - Tìm hiểu cách miêu tả không khí Trầy quân.
 - Chú ý đến giọng điệu lời ca.
2. Tìm đọc thêm một số bài dân ca Ninh Bình và ghi chép ngắn gọn những điều em tâm đắc khi đọc những bài dân ca đó.

¹ Hát Dặm (hay còn gọi là hát Giặm, hát Dặm): Là một loại hình dân ca gồm ca múa nhạc rất cổ của Ninh Bình. Tương truyền, Lý Thường Kiệt trên đường hành quân đi đánh giặc Chiêm Thành đã trú quân ở Quyển Sơn (phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình ngày nay), mộng được hai vị nữ thần đến xin theo ân phù đánh giặc; khi chiến thắng trở về ông đã cho mở hội tế thần mừng công tại đây.

Bài 2. CA DAO NINH BÌNH

A. KHỞI ĐỘNG

Theo em, ca dao giữ vai trò gì trong đời sống tinh thần của người lao động thuở xưa?

B. KHÁM PHÁ

1. Văn bản đọc hiểu

1.1. Văn bản 1. Ca dao về tình yêu lứa đôi

*Em là con gái Ngòi Ngang,
Chợ Xanh, bến Cát, biết rằng về đâu?
Chợ Xanh mua vải ruộm¹ nâu,
Chợ Cát mua một coi giầu đơi anh!*

1. Xác định nhân vật trữ tình trong bài ca dao. Nhân vật ấy đang bộc lộ tâm trạng gì qua lời ca?
2. Những địa danh: Ngòi Ngang, Chợ Xanh, bến Cát gợi lên không gian sinh hoạt như thế nào của người dân địa phương?
3. Câu hỏi "biết rằng về đâu?" thể hiện tâm trạng gì của nhân vật trữ tình? Vì sao người xưa thường gửi gắm tình cảm qua cách hỏi như vậy?
4. Hình ảnh "mua vải ruộm nâu", "mua một coi giầu đơi anh" có ý nghĩa gì trong việc thể hiện tình cảm của cô gái?
5. Qua bài ca dao, em nhận xét gì về vẻ đẹp tình cảm của người phụ nữ trong đời sống dân gian xưa?

1.2. Văn bản 2. Ca dao về tình cảm gia đình

*Kẻ chi trời rét đồng sâu,
Có chồng, có vợ rủ nhau đi bừa.
Bây giờ trưa đã hồ trưa,
Chồng vác lấy bừa vợ dắt con trâu.
Một đoàn chồng trước vợ sau,
Trời rét mặc rét đồng sâu mặc đồng!*

¹ Ruộm: là cách nói của người dân địa phương, có nghĩa là nhuộm.

1. Bài ca dao tái hiện hoạt động lao động nào của người nông dân? Qua đó, em hình dung như thế nào về đời sống sinh hoạt của người dân xưa?
2. Chi tiết “có chồng, có vợ rủ nhau đi bừa” cho thấy mối quan hệ vợ chồng được thể hiện như thế nào trong lao động và cuộc sống?
3. Các hình ảnh: chồng vác bừa, vợ dắt trâu, chồng trước vợ sau góp phần khắc họa bức tranh lao động ra sao?
4. Cách lặp lại cấu trúc: “trời rét mặc rét / đồng sâu mặc đồng” có tác dụng gì trong việc thể hiện tinh thần của người lao động?
5. Qua bài ca dao, em cảm nhận được những phẩm chất đẹp nào của người nông dân và tình nghĩa gia đình trong đời sống dân gian?

2. Em cần nhớ

Ca dao là tiếng hát tâm tình của người lao động, phản ánh chân thực đời sống và tình cảm đẹp đẽ của con người trong xã hội xưa. Ngôn ngữ ca dao mộc mạc, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu, sử dụng nhiều hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng quen thuộc trong đời sống dân gian. Qua đó, ca dao góp phần bồi đắp tình yêu quê hương, gia đình và những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

C. LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra những yếu tố thể hiện rõ đặc trưng của ca dao về tình yêu đôi lứa trong bài ca dao: “Em là con gái Ngòi Ngang,…”
2. Nhận xét về giọng điệu và cảm hứng chủ đạo của bài ca dao: “Kê chi trời rét đồng sâu,…” . Giọng điệu ấy góp phần thể hiện tinh thần của người lao động như thế nào?

D. VẬN DỤNG

1. Dù ở thời đại nào thì tình yêu, sự gắn bó của các thành viên cũng đều là yếu tố quan trọng làm nên hạnh phúc gia đình. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) đề xuất một số giải pháp để giữ gìn mối quan hệ gắn bó giữa các thành viên trong bối cảnh hiện nay.
2. Em tập làm nghệ sĩ: Lựa chọn một trong các hình thức vẽ tranh, sáng tác ca khúc, thiết kế poster, viết lời bình,... để thể hiện cảm nhận của em về vẻ đẹp của những bài ca dao, dân ca Ninh Bình.

Chủ đề 4

THƠ TRUNG ĐẠI NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Biết được thân thế, sự nghiệp và những đóng góp của một số tác giả tiêu biểu trong văn học trung đại tỉnh Ninh Bình.
- Nhận biết và phân tích được các phương diện nội dung, hình thức nghệ thuật của một số tác phẩm thơ ca trung đại tiêu biểu tỉnh Ninh Bình.
- Có thái độ trân trọng, yêu mến tự hào và ý thức trách nhiệm sâu sắc, bảo tồn và giới thiệu về những giá trị văn hoá, văn học trung đại tỉnh Ninh Bình.

A. KHỞI ĐỘNG

Em hãy tìm hiểu các Tam nguyên (người đỗ đầu cả 3 kì thi thời phong kiến) trên đất Ninh Bình. Hãy giới thiệu về một Tam nguyên mà em yêu thích nhất.

B. KHÁM PHÁ

Bài 1. TAM QUÁ HẢI VÂN

(Ba lần qua Hải Vân)

– Trần Bích San –

1. Tác giả



Hình 4.1. Trần Bích San (1840 – 1877)

Trần Bích San tự Vọng Nghi, hiệu Mai Nham, quê ở làng Vị Hoàng (sau đổi là Vị Xuyên), huyện Mỹ Lộc, nay thuộc phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình. Bản tính thông minh, lại được sự dạy dỗ của các bậc thầy nổi tiếng là Phó bảng Trần Doãn Đạt, Tiến sĩ Vũ Công Độ, Hoàng giáp Phạm Văn Nghị nên Trần Bích San sớm hiển đạt trên con đường khoa cử. Năm Giáp Tý (1864), ông đỗ Giải nguyên; năm Ất Sửu (1865), ông đỗ Hội nguyên, rồi Đình nguyên. Trần Bích San là Tam nguyên đầu tiên của vương triều Nguyễn, lại là Tam nguyên liên trúng.

*Nhất cử đặng khoa thiên hạ hữu,
Tam nguyên liên trúng quốc triều vô.*

(Một lần đi thi đã đỗ, thiên hạ từng có,
Đỗ đầu liên tiếp ba khoa, trước nay triều ta chưa)

(Câu đối ban cho Trần Bích San của vua Tự Đức)

Bài thơ *Tam quá Hải Vân* được ông ứng tác khi phó quan ở Quảng Nam, Bình Định, nhiều lần qua lại đèo Hải Vân – nơi được mệnh danh là “Đệ nhất hùng quan”.

2. Tác phẩm

2.1. Văn bản

Phiên âm:

*Tam niên tam thưởng Hải Vân đài,
Nhất điều thân khinh độc vãng hồi.
Thảo thụ bán không đê nhật nguyệt,
Cần khôn chích nhĩn tiểu trần ai.
Văn phi sơn thủy vô kì khí,
Nhân bất phong sương vị lão tài.
Hưu đạo Tàn quan chinh lộ hiểm
Mã đầu hoa tận đới yên khai.*

Dịch nghĩa:

Ba năm, ba lần qua đèo Hải Vân,
Như con chim thân nhẹ, một mình qua lại.
Cỏ cây giữa tầng không, mặt trời mặt trăng đều thấp,
Cả trời đất thu vào con mắt, cõi trần coi như nhỏ bé.
Văn không có hình tượng núi sông, thì không có khí lạ,
Người chưa trải qua sương gió, thì chưa thể tài cao.
Thôi đừng nói đường qua ải Tàn là hiểm trở,
Nơi đầu ngựa, hoa đều đội mây mà nở cả.

Dịch thơ:

*Ba năm, ba bận vượt Hải Vân,
Nhẹ cánh, đi về một chiếc thân.
Cây cỏ lưng trời, tinh tú thấp,
Càn khôn trong mắt, hẹp cõi trần.
Vấn không sơn thủy đâu khi lạ,
Người chẳng phong sương chẳng xuất thân.
Thôi bớt nói đường qua ải hiểm,
Đội mây hoa nở, ngựa dôn chân.*

(Nguyễn Văn Huyền, *Tam nguyên Trần Bích San – Cuộc đời và tác phẩm*,
Hội Văn học Nghệ thuật Nam Hà, 1994)

1. Đọc lại phiên âm, dịch nghĩa để bổ sung những từ ngữ, ý thơ mà dịch thơ chưa truyền tải hết.
2. Số từ trong câu thơ đầu, biện pháp so sánh ở câu thơ thứ hai đã giúp em hình dung gì về tư thế, tâm thế của thi nhân với đèo Hải Vân? Từ tương quan đó, cảnh sắc Hải Vân đã hiện ra như thế nào?
3. Trong hai câu luận, tác giả đã bàn luận về vấn đề nào của văn chương và cuộc sống? Từ đó em rút ra những bài học gì cho việc học tập và rèn luyện của bản thân?
4. Mượn chuyện “ải Tân” trong câu thơ thứ 7, nhà thơ muốn đối thoại với quan niệm sống nào trong xã hội? Từ đó, em hãy tìm lối sống mà thi nhân gửi gắm qua hình ảnh “hoa đội mây mà nở” trong câu thơ cuối?

2.2. Em cần nhớ

Hơn 10 năm làm quan dưới triều Tự Đức, Trần Bích San giữ nhiều chức vụ, ở nhiều địa bàn khác nhau (*Quái chỉ giang sơn vị hứa hoàn* (Kể cũng lạ, núi sông còn chưa để cho về)) nhưng thi nhân vẫn dành tình yêu và nỗi nhớ cho sông Vị, cho quê nhà thành Nam, cho cha mẹ (*Quy tâm thái bán đảo Nam thành* (Tám lòng quá nửa trở về với Thành Nam)). Chính điều này đã góp phần tạo nên chất trữ tình, chất triết lí sâu sắc trong thơ ông.

C. LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra và phân tích giá trị của yếu tố quy phạm trong văn bản.
2. Thơ trung đại tả thiên nhiên không chỉ ngụ tình mà còn để nói chí, tải đạo, răn mình. Em hãy phân tích hai câu thơ cuối để làm rõ điều tác giả muốn khuyên răn.

D. VẬN DỤNG

1. Qua việc tìm hiểu lịch sử và văn bản, em hãy lí giải vì sao Hải Vân Quan có ý nghĩa với lịch sử và sáng tạo thơ ca?
2. Chọn 01 văn bản viết về Hải Vân Quan và chỉ ra điểm giống, khác nhau giữa tác phẩm đó với văn bản *Tam quá Hải Vân*.

Bài 2. XUÂN

– Trần Tế Xương –

A. KHỞI ĐỘNG

Em hãy sử dụng internet, tra cứu sách, báo kết hợp với đi thực địa để giới thiệu về một “địa chỉ văn hoá” trên quê hương Nam Định có liên quan đến nhà thơ Trần Tế Xương.

B. KHÁM PHÁ

1. Tác giả

Trần Tế Xương tên khai sinh là Trần Duy Uyên, tự là Mặc Trai, hiệu là Mộng Tích, Tử Thịnh. Ông sinh ra trong một gia đình có dòng dõi Nho gia ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, sau là phố Hàng Nâu, nay là phố Minh Khai, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Gắn bó trọn đời với đô thị Thành Nam, Trần Tế Xương chịu tác động trực tiếp của hoàn cảnh xã hội ở giai đoạn bi thương nhất của lịch sử dân tộc cuối thế kỉ XIX: triều đình nhà Nguyễn kí hàng ước lần lượt dâng đất nước cho giặc; các phong trào kháng chiến chống Pháp diễn ra sôi nổi nhưng đều thất bại. Năm 1897, Pháp đặt nền móng cai trị đất nước, chế độ thực dân nửa phong kiến được xác lập, nền kinh tế tư bản đảo lộn trật tự xã hội làm lung lay các mối quan hệ và nền tảng đạo đức truyền thống.

Trần Tế Xương đi học sớm và nổi tiếng thông minh nhưng con đường khoa cử lận đận, tám lần đi thi cũng chỉ dừng lại ở Tú tài (nên tên thường gọi là Tú Xương).

Ông sáng tác thơ, phú, câu đối, hát nói hầu hết bằng chữ Nôm và dịch một số bài thơ Đường. Tác phẩm của ông có sự kết hợp hài hoà giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và trữ tình; thể hiện thái độ mỉa mai, phê phán xã hội đương thời; bày tỏ tâm sự xót xa cay đắng nhưng cũng kín đáo gửi gắm lòng yêu nước.



Hình 4.2. Trần Tế Xương
(1870 – 1907)

2. Tác phẩm

2.1. Văn bản

*Xuân từ trong ấy mới ban ra,
Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà.
Đì đẹt ngoài sân, tràng pháo chuột,
Loẹt loẹt trên vách, bức tranh gà.
Chí cha chí chát khua giày dép,
Đen thui đen thui cũng lượt là.
Dám hỏi những ai nơi cố quận,
Rằng xuân, xuân mãi thế ru mà?*

(Theo Nguyễn Văn Huyền (Chủ biên), *Tú Xương – tác phẩm – giai thoại*,
Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh, 1986)

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Hãy chỉ ra những dấu hiệu của thể thơ đó trong bài thơ.
2. Phân tích sự độc đáo trong nghệ thuật sử dụng hình ảnh, từ ngữ, giọng điệu trong các câu thơ: “Đì đẹt ngoài sân, tràng pháo chuột,/ Loẹt loẹt trên vách, bức tranh gà./ Chí cha chí chát khua giày dép,/ Đen thui đen thui cũng lượt là”.
3. Câu hỏi tu từ cất lên ở cuối bài thơ giúp em hiểu gì về tâm trạng của nhà thơ?
4. Hãy so sánh bài thơ “Xuân” và bài thơ “Năm mới chúc nhau” của Tú Xương về: giọng điệu, thái độ và mức độ trào phúng.

2.2. Em cần nhớ

Sinh ra và sống trọn cuộc đời với đô thị Thành Nam trong buổi giao thời, thơ Trần Tế Xương có sự kết hợp hài hoà giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và trữ tình. Thơ ông được rất nhiều nhà nghiên cứu đánh giá cao như: “Tú Xương xứng đáng đứng vào hàng những nhà thơ trào phúng lớn của thế giới” (Giáo sư Albert Smit, Anh); Tú Xương là bậc “thần thơ thánh chữ” (Nguyễn Công Hoan);... Người dân thành phố Nam Định cũ (nay là phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình) luôn tự hào về hai thứ đặc sản quê mình: “Đọc thơ Tú Xương, ăn chuối ngự”, đúng như hai câu đối của Đoàn Triển (1854 – 1919) đã khái quát về Tú Xương:

*Kìa ai chín suối xương không nát,
Có lẽ ngàn thu tiếng vẫn còn.*

C. LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra và nêu tác dụng của nghệ thuật nói mỉa được sử dụng trong văn bản.
2. Phân tích giá trị của yếu tố tự sự được sử dụng trong văn bản.

D. VẬN DỤNG

1. “Tú Xương là cây sấu đông ngoài tươi mà trong rầu héo. Những lời trào lộng kiêu bạc chỉ là những hiện tượng da thịt bên ngoài phủ lên một cốt tuỷ chung tình.”

(Nguyễn Tuân, *Thời và thơ Tú Xương*)

Em hãy viết một đoạn văn khoảng 8 đến 10 dòng cảm nhận về “cốt tuỷ chung tình” của Tú Xương đằng sau “những lời trào lộng kiêu bạc” trong bài thơ *Xuân*.

2. Qua việc đọc hiểu yếu tố hiện thực của bài thơ *Xuân*, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) lí giải vì sao người trẻ cần phải gìn giữ văn hoá truyền thống.

Chủ đề 5

SỰ CHUYỂN DỊCH NGHỀ NGHIỆP VÀ LAO ĐỘNG Ở TỈNH NINH BÌNH DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

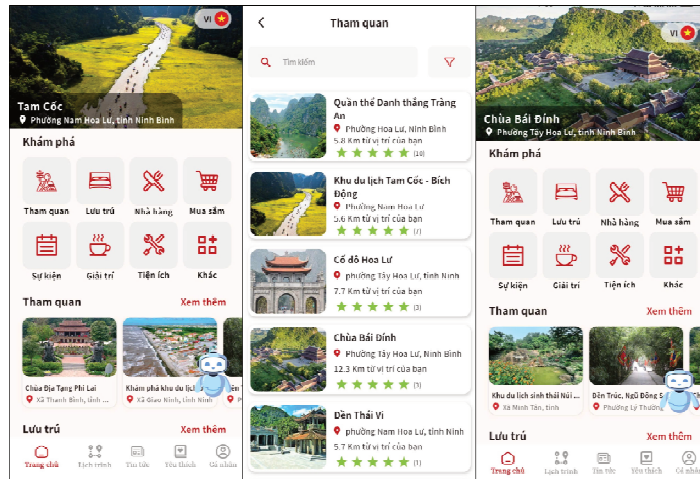
Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Hiểu được tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến sự hình thành và mất đi của các nghề nghiệp ở Ninh Bình.
- Đánh giá được xu hướng chuyển dịch nghề nghiệp và lao động ở Ninh Bình.
- Nhận biết được chủ trương, chính sách phát triển nhân lực của tỉnh Ninh Bình.
- Nâng cao nhận thức của học sinh trong việc định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp.

A. KHỞI ĐỘNG

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (hay còn gọi là cuộc Cách mạng 4.0) đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu. Tác động của nó đã, đang và sẽ làm thay đổi một cách có hệ thống toàn bộ cuộc sống của nhân loại, trong đó mang theo những thay đổi lớn đối với cơ cấu ngành nghề và lao động trong xã hội.

Tại Ninh Bình, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang thúc đẩy mạnh mẽ sự dịch chuyển nghề nghiệp từ lao động thủ công, kỹ năng thấp sang các lĩnh vực công nghệ cao, dịch vụ thông minh và sản xuất hiện đại. Nhu cầu về nguồn lao động kỹ thuật cao ngày càng tăng, trong khi lao động phổ thông chịu áp lực chuyển đổi, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ trong du lịch.



Hình 5.1. Giao diện ứng dụng NinhBinhTourismInfo
(Ảnh chụp màn hình)

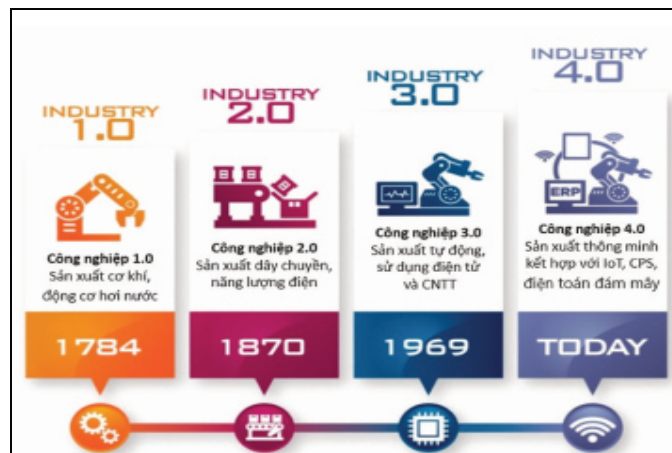
Dựa trên các phương tiện thông tin truyền thông và internet, em hãy tìm hiểu cách thức quảng bá, tiếp cận khách hàng và dịch vụ hỗ trợ du lịch ở Ninh Bình đã thay đổi như thế nào trong những năm gần đây?

B. KHÁM PHÁ

1. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới nghề nghiệp và lao động ở tỉnh Ninh Bình

1.1. Khái quát về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được bắt đầu từ đầu thế kỉ XXI. Đây là bước phát triển tiếp theo dựa trên nền tảng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba (cuộc cách mạng có đặc trưng là sự ra đời của máy tính và công nghệ kĩ thuật số tạo nền tảng cho việc tự động hoá trong sản xuất).



Hình 5.2. Các cuộc cách mạng công nghiệp

Đặc trưng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là sự cải tiến công nghệ một cách nhanh chóng thông qua việc tăng cường sử dụng truyền thông di động và kết nối internet (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây (Cloud Computing), công nghệ robot, công nghệ in 3D, nano và công nghệ sinh học,...

Hãy tìm hiểu và cho biết sự khác biệt giữa cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó?

1.2. Đặc điểm, cơ cấu lao động và nghề nghiệp ở tỉnh Ninh Bình

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt lớn trong quá trình phát triển của tỉnh Ninh Bình mới (sau sáp nhập). Việc sáp nhập ba tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình là một chiến lược nhằm tối ưu hoá các nguồn lực và tạo ra một cực tăng trưởng mới tại khu vực Nam Đồng bằng sông Hồng.

Về mặt kinh tế – xã hội, sự hợp nhất tạo ra một không gian sinh thái – kinh tế thống nhất, kết nối di sản Tràng An với các khu công nghiệp hiện đại và hạ tầng cảng biển, tạo tiền đề để hình thành một đô thị liên kết có sức cạnh tranh cao.

a) Đặc điểm, cơ cấu lao động tỉnh Ninh Bình

Toàn tỉnh Ninh Bình mới (sau sáp nhập) có quy mô dân số hơn 4,4 triệu người, trở thành một trong những địa phương đông dân ở khu vực Đồng bằng sông Hồng và có nguồn nhân lực dồi dào.

Bảng 5.1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (Đơn vị: nghìn người)

Năm	Dân số trung bình	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc
2021	3 719,1	1 873,9	1 847,9
2022	3 765,7	1 911,4	1 888,8
2023	3 790,2	1 922,6	1 899,3
2024	3 818,8	1 936,9	1 912,0
2025	3 843,8	1 954,4	1 925,5

(Nguồn: Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

Em có biết: Theo Bộ Luật Lao động năm 2019: Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ, sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.

Hiện nay, tỉnh Ninh Bình có khoảng 2,4 triệu người trong độ tuổi lao động (15 – 59 tuổi), chiếm hơn 59 % dân số, đây là giai đoạn “vàng” của cơ cấu dân số – lợi thế quan trọng, tạo nền tảng và động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Thực tiễn cho thấy, lực lượng lao động của tỉnh hiện nay không chỉ đông về số lượng mà còn ngày càng được nâng lên về chất lượng. Trình độ học vấn, tay nghề, khả năng tiếp cận khoa học – công nghệ, kĩ năng nghề nghiệp của người lao động từng bước được cải thiện, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Nguồn lao động trẻ, năng động góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch; đồng thời mở rộng thị trường tiêu dùng nội địa, tạo sức mua lớn cho các ngành thương mại, dịch vụ. Đây là tiền đề quan trọng để Ninh Bình phát triển theo hướng cân đối, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Dựa vào thông tin trên, em hãy nêu đặc điểm cơ bản của nguồn lao động tỉnh Ninh Bình.

b) Đặc điểm, cơ cấu nghề nghiệp tỉnh Ninh Bình

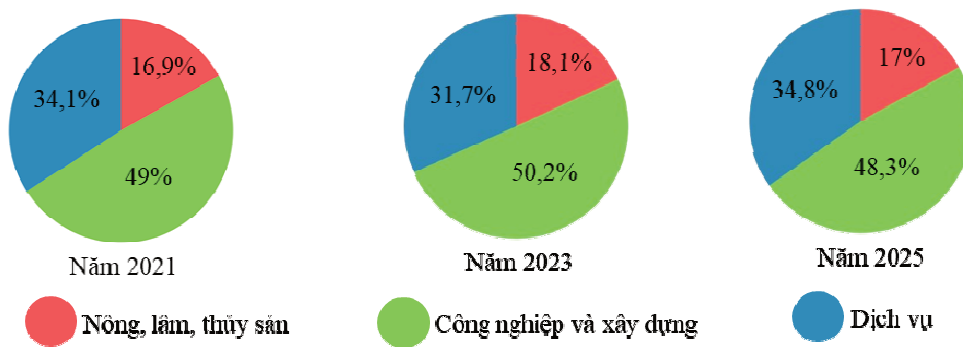
Sau sáp nhập, cơ cấu nghề nghiệp tỉnh Ninh Bình mới có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng đa dạng hoá, hiện đại hoá và tích hợp sâu rộng.

Bảng 5.2. Số lượng lao động có việc làm phân theo ngành kinh tế (Đơn vị: nghìn người)

STT	Tổng số	2021	2022	2023	2024	2025
		1 847,9	1 888,8	1 899,3	1 912,0	1 925,5
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	313,0	336,3	343,0	331,6	326,4
2	Khai khoáng	6,4	7,4	6,4	4,2	3,6
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	648,9	677,3	691,6	679,1	684,0
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	4,8	5,6	5,3	6,2	6,4
5	Cung cấp nước; hoạt động quản lí và xử lí rác thải, nước thải	9,2	9,0	8,8	7,6	7,5

STT	Tổng số	2021	2022	2023	2024	2025
		1 847,9	1 888,8	1 899,3	1 912,0	1 925,5
6	Xây dựng	235,6	246,2	242,3	223,1	228,2
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	289,9	276,4	268,4	290,5	294,7
8	Vận tải kho bãi	60,0	61,7	65,8	74,9	76,5
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	52,7	43,5	47,3	52,8	52,7
10	Thông tin và truyền thông	7,1	7,1	5,5	6,6	8,8
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	13,2	13,5	14,3	14,4	13,9
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	4,9	4,4	2,7	3,7	4,5
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	6,2	6,1	7,2	8,0	9,8
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	12,5	12,2	10,9	9,8	10,3
15	Hoạt động của Đảng, tổ chức, chính trị xã hội	58,5	55,0	51,6	54,9	54,2
16	Giáo dục và đào tạo	60,6	64,9	63,9	75,6	73,6
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	20,5	18,8	19,5	25,4	25,2
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	4,5	3,7	4,3	4,8	5,3
19	Hoạt động dịch vụ khác	34,3	34,6	35,3	32,8	34,0
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5,1	5,1	5,2	6,0	5,9

(Nguồn: Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)



Hình 5.3. Cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế (Đơn vị: %)
(Nguồn: Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025)

Đọc thông tin trong bảng 5.2 và hình 5.3, em hãy cho biết lực lượng lao động có việc làm ở tỉnh Ninh Bình đang tập trung phần lớn vào nhóm ngành nghề nào?

1.3. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới việc làm và người lao động ở tỉnh Ninh Bình

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự xuất hiện của công nghệ cao, máy móc thông minh, robot, trí tuệ nhân tạo,... sẽ tác động lớn và làm thay đổi thị trường lao động, việc làm ở tỉnh Ninh Bình. Cung – cầu lao động, cơ cấu lao động và bản chất việc làm đều chịu ảnh hưởng.

– Tác động đến sự hình thành và mất đi của nghề nghiệp:

+ Những đột phá và tự động hoá dẫn tới sự mất đi của một số ngành nghề ở Ninh Bình. Đó là những ngành nghề dựa vào lao động thủ công (ví dụ một số việc làm trong ngành may mặc, da giày,...) hoặc một vài khâu trong quá trình sản xuất ở các nhà máy.



Hình 5.4. Dây chuyền may xuất khẩu của Công ty Cổ phần Yên Thành, xã Yên Khánh
(Nguồn ảnh: <https://nbtv.vn/news/401/43902/doanh-nghiep-det-may-tang-da-phuc-hoi-san-xuat>)

+ Bên cạnh đó, khi nhu cầu về hàng hoá và dịch vụ mới gia tăng dẫn đến sự ra đời của những công việc mới, cơ hội kinh doanh mới và thậm chí là các ngành công nghiệp mới ở tỉnh Ninh Bình như kỹ sư phần cứng, nhân viên vận hành và bảo trì hệ thống thị giác công nghiệp, kỹ sư mạch tích hợp, nhân viên tư vấn bán hàng trực tuyến,...

– Tác động tới số lượng và chất lượng người lao động:

+ Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, số lượng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ có xu hướng tăng. Ngược lại, số lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm. Ước tính năm 2025, lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 326,4 nghìn người, tăng 13,4 nghìn người so với năm 2021, chiếm 17 % trong tổng số, tương đương cơ cấu năm 2021 (16,9 %); lao động khu vực công nghiệp và xây dựng là 929,7 nghìn người, tăng 24,9 nghìn người, chiếm 48,3 %; khu vực dịch vụ 669,4 nghìn người, tăng 39,4 nghìn người, chiếm 34,8 %.¹

+ Khi có sự tham gia của công nghệ và trí tuệ nhân tạo, rất nhiều khâu của quy trình công việc sẽ do máy móc thông minh đảm nhiệm. Những máy móc này có khả năng làm việc với cường độ cao, ổn định hơn con người, dẫn đến năng suất của hệ thống sẽ được nâng cao. Điều này cũng dẫn đến nhu cầu tăng nguồn nhân lực chất lượng cao trong việc đảm trách chất lượng của hệ thống máy móc.

+ Trong bối cảnh đó, các đơn vị, doanh nghiệp đều phải tái cấu trúc mô hình theo xu hướng giảm các đầu mối quản lý hành chính và tăng tương tác với khách hàng. Do vậy, đòi hỏi người lao động phải năng động hơn, giao tiếp nhiều hơn, xử lý công việc nhiều hơn, nhanh hơn và hiệu quả hơn trong các mô hình kinh doanh mới.

1. Em hãy kể tên một số việc làm trong các ngành nghề mà em biết đã mất đi hoặc được hình thành dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại tỉnh Ninh Bình?
2. Số lượng và chất lượng người lao động đã thay đổi như thế nào dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Ninh Bình?

2. Sự chuyển dịch nghề nghiệp và lao động ở tỉnh Ninh Bình

2.1. Xu hướng chuyển dịch ngành nghề và lao động ở tỉnh Ninh Bình

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại nhiều cơ hội và thách thức trong lĩnh vực việc làm, với những tác động trực tiếp và gián tiếp tới các ngành nghề trong nền kinh tế cũng như người lao động ở Ninh Bình.

¹ Thống kê tỉnh Ninh Bình (2025). *Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025*.

Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản sang khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Một số xu hướng chuyển dịch nghề nghiệp ở Ninh Bình trong tương lai:

– Trong khu vực nông nghiệp, việc áp dụng cơ giới hoá, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ, công nghệ cao là chìa khoá nâng cao năng suất lao động, tăng sản lượng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.



Hình 5.5. Ninh Bình đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp

(Nguồn ảnh: <https://nbtv.vn/ninh-binh-day-manh-ung-dung-cong-nghe-cao-vao-san-xuat-nong-nghiep-35205.html>)

– Trong khu vực công nghiệp, việc ứng dụng những tiến bộ công nghệ có tiềm năng dịch chuyển người lao động sang những công việc yêu cầu tay nghề cao hơn, tạo ra năng suất cao hơn. Một số đột phá về công nghệ trong sản xuất (như công nghiệp in 3D, robot công nghiệp, IoT,...) dẫn tới nhu cầu việc làm của các nghề như kỹ sư, phân tích hệ thống máy tính,... tăng lên.

– Cách mạng số có tiềm năng chuyển dịch người lao động sang làm những công việc lấy khách hàng làm trung tâm trong lĩnh vực dịch vụ.

Em hãy dự đoán nhu cầu nghề nghiệp ở Ninh Bình trong thời gian tới. Theo em, những ngành nghề nào sẽ hình thành hoặc phát triển trong tương lai?

2.2. Định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Ninh Bình

Trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ, quá trình hội nhập quốc tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Ninh Bình đang đứng trước những cơ hội và thách thức lớn. Là tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng, Ninh Bình cần khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Để đạt được mục tiêu này, việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành yếu tố then chốt, đòi hỏi nguồn nhân lực không chỉ đáp ứng yêu cầu chuyên môn mà còn phải có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và khả năng thích nghi nhanh chóng.

Thông tin 1: Định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Ninh Bình hiện nay tập trung vào đột phá nhân lực chất lượng cao để đáp ứng mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030 với đặc trưng “Đô thị di sản thiên nhiên kì”. Để hiện thực hoá mục tiêu này, tỉnh đã ban hành và triển khai nhiều nghị quyết, kế hoạch quan trọng, trong đó nổi bật là Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 29/10/2021 về phát triển du lịch đến năm 2030. Một trong những nội dung trọng tâm của Nghị quyết số 07-NQ/TU là chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu của ngành Du lịch. Điều này bao gồm việc xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, hợp tác với các cơ sở giáo dục và tổ chức quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn, kĩ năng nghiệp vụ và khả năng ngoại ngữ cho lao động ngành Du lịch; Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 20/6/2025 về Triển khai Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 – 2035; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về Thúc đẩy đổi mới giáo dục và đào tạo để tạo ra thế hệ công dân ưu tú đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 – 2030;...

Thông tin 2: Qua thời gian quyết liệt triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 28/12/2016 về phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, công tác phát triển nguồn nhân lực, nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã được lồng ghép thực hiện có hiệu quả. Cơ cấu nguồn nhân lực có sự chuyển dịch tích cực theo ngành, lĩnh vực có thế mạnh của địa phương, chẳng hạn như: lao động trong khối ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 41,58 % (năm 2016), xuống còn 10,2 % (năm 2023); công nghiệp – xây dựng từ 31,03 % (năm 2016) tăng lên 42,7 % (năm 2023); thương mại, dịch vụ từ 27,39 % (năm 2016) tăng lên 47,1 % (năm 2023).

Đào tạo nghề cho lao động trực tiếp được quan tâm, tay nghề, đạo đức và văn hoá người lao động được nâng lên, có khả năng tiếp cận khoa học – công nghệ góp phần tăng năng suất lao động. Vì vậy, tỉ lệ thất nghiệp liên tục giảm và là một trong số ít tỉnh có tỉ lệ thất nghiệp thấp so với tỉ lệ chung của cả nước (cả nước là 2,52 %, Ninh Bình là 1,37 %). Năm 2020, thu nhập bình quân của người lao động đạt 64,91 triệu đồng/năm, tăng 54 % so với năm 2015.

(Nguồn: Tỉnh uỷ Ninh Bình (2016), Báo cáo số 110-BC/TU sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 28/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

Thông tin 3:

- Phát triển nhân lực chất lượng cao: Tập trung đào tạo, thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao, công nghệ bán dẫn để phù hợp với định hướng công nghiệp hoá.
- Chuyển đổi số và giáo dục: Thực hiện “bình dân học vụ số”, phổ cập kiến thức số và đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong các trường học để nâng cao kỹ năng số cho người lao động.
- Đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu: Xây dựng quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực gắn với các quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo cơ cấu hợp lý.
- Phát triển nguồn nhân lực du lịch: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành du lịch để phát huy lợi thế di sản, hướng tới phát triển bền vững.
- Phát triển nguồn nhân lực trẻ: Chú trọng chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021 – 2030, khơi dậy tinh thần cống hiến và khởi nghiệp.
- Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp: Nâng cao chất lượng tại các cơ sở đào tạo nghề và liên kết đào tạo quốc tế.
- Thu hút nhân tài: Ưu tiên tuyển dụng và đãi ngộ đối với nhân lực có trình độ đại học trở lên trong các ngành khoa học, công nghệ và quản lý di sản.
- Định hướng đến năm 2030: Ninh Bình tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, giữ vững vị trí dẫn đầu cả nước về giáo dục toàn diện, đồng thời tăng cường cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ phát triển kinh tế.

1. Em hãy cho biết chủ trương, chính sách phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2025 – 2030 có ý nghĩa gì trong việc thực hiện quá trình hội nhập quốc tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng hiện đại?
2. Định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới là gì?

3. Trách nhiệm của học sinh trong định hướng, lựa chọn nghề nghiệp

Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

Trong buổi sinh hoạt hướng nghiệp lớp 10, Minh – một học sinh có năng khiếu hội hoạ, đã bày tỏ ý định thi vào ngành Thiết kế đồ hoạ truyền thống. Tuy nhiên, bố mẹ Minh kịch liệt phản đối vì cho rằng trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) đã có thể tạo ra những bức tranh phức tạp chỉ trong vài giây, khiến cơ hội việc làm của ngành này trở nên bấp bênh. Họ muốn Minh chọn Khoa học dữ liệu hoặc Công nghệ phần mềm để đảm bảo tương lai. Minh cảm thấy hoang mang khi đứng giữa sự giao thoa của sở thích cá nhân và sự thay đổi chóng mặt của thị trường lao động, nơi nhiều ngành nghề cũ đang dần bị thay thế bởi tự động hoá và robot. Minh băn khoăn nên kiên

trì với đam mê bằng cách thích nghi với công nghệ mới, hay chuyển hướng sang một lĩnh vực hoàn toàn khác để an toàn hơn.

1. Những yếu tố cụ thể nào của công nghệ đang tác động trực tiếp đến ngành nghề mà Minh yêu thích? Ngoài Thiết kế đồ họa, những ngành nghề nào khác cũng đang chịu ảnh hưởng tương tự bởi làn sóng công nghệ này?
2. Em hãy đề xuất một giải pháp “dung hòa” để Minh vừa theo đuổi được hội họa, vừa không bị AI thay thế. Theo em, học sinh THPT cần trang bị thêm những kĩ năng gì (ngoài kiến thức chuyên môn) để không bị “tụt hậu” trước sự biến động của thị trường lao động?
3. Là học sinh trung học phổ thông, em có trách nhiệm như thế nào trong việc tìm hiểu xu hướng nghề nghiệp của xã hội, từ đó lựa chọn ngành nghề trong tương lai phù hợp với năng lực của bản thân?

Em cần nhớ

- Tìm hiểu xu hướng ngành nghề trong tương lai: Ngành nào đang phát triển, ngành nào có nguy cơ bị thay thế bởi robot.
- Xác định các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp.
- Tìm hiểu chương trình học, học phí, và uy tín của các trường đại học, cao đẳng hoặc trường nghề.
- Chủ động tham gia các hoạt động xã hội, câu lạc bộ khác nhau; tham gia các buổi hướng nghiệp, hội chợ việc làm hoặc trò chuyện với những người đang làm trong ngành nghề mình muốn chọn.
- Xây dựng và thực hành kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp trong tương lai.
- Bồi dưỡng các năng lực và kĩ năng thiết yếu: kĩ năng số (thành thạo công nghệ, sử dụng AI làm công cụ hỗ trợ công việc,...), kĩ năng mềm (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề phức tạp, kĩ năng giao tiếp và làm việc nhóm,...), ngoại ngữ,...
- Trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp dự định lựa chọn.

C. LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm sau? Vì sao?
 - a) Chọn nghề theo yêu cầu của gia đình.
 - b) Coi AI là công cụ hỗ trợ và chủ động học cách làm chủ công nghệ.
 - c) Chủ động tự nhận thức về sở thích, năng lực và điều kiện bản thân.
 - d) Đợi đến sau khi tốt nghiệp THPT mới bắt đầu tìm hiểu.
 - e) Chỉ có thị trường việc làm ở các thành phố lớn mới mang lại thu nhập cao.

2. Đọc trường hợp và trả lời các câu hỏi:

Hương là học sinh lớp 12 tại một trường THPT ở Ninh Bình. Hương có năng khiếu về ngoại ngữ và rất yêu thích văn hoá địa phương. Bố mẹ muốn Hương thi vào ngành Kế toán vì cho rằng nghề này ổn định. Tuy nhiên, Hương nhận thấy với sự phát triển của du lịch số (Digital Tourism) và sự chuyển dịch kinh tế tại Ninh Bình, các nghề như Quản trị lữ hành quốc tế hoặc Chuyên viên Marketing di sản đang rất khát nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là những người biết ứng dụng công nghệ 4.0.

1. Nếu là Hương, em sẽ làm gì để thuyết phục bố mẹ về lựa chọn của mình?
2. Việc Hương tìm hiểu về đặc điểm kinh tế địa phương và xu hướng 4.0 thể hiện trách nhiệm nào của học sinh trong định hướng nghề nghiệp?
3. Làm thế nào để Hương vừa giữ được đam mê văn hoá, vừa không bị tụt hậu trước sự phát triển của AI trong ngành dịch vụ?

D. VẬN DỤNG

Dự án tìm hiểu nhu cầu nghề nghiệp của tỉnh Ninh Bình

a) Nhiệm vụ

Xác định được nhu cầu về nghề nghiệp của tỉnh Ninh Bình trong tương lai và lập kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu ngành nghề mà em cho là phù hợp với bản thân.

b) Tiến trình thực hiện

Bước 1. Tìm hiểu về định hướng phát triển kinh tế của tỉnh Ninh Bình.

Bước 2. Đánh giá, dự báo về nhu cầu nghề nghiệp ở tỉnh Ninh Bình trong tương lai (Ngành nghề nào sẽ phát triển? Vị trí việc làm nào ở ngành nghề đó đang thiếu trong tương lai?).

Bước 3. Phân tích thông tin về nghề nghiệp và thị trường tuyển dụng trong tương lai để lựa chọn một vị trí việc làm trong ngành nghề mà em cho rằng phù hợp nhất với bản thân. Giải thích về sự lựa chọn đó.

Bước 4. Làm báo cáo kết quả dự án học tập.

c) Đánh giá

Sản phẩm của dự án sẽ được đánh giá theo các tiêu chí sau:

(1) Cấu trúc rõ ràng, logic, thể hiện đầy đủ các nội dung: Định hướng phát triển kinh tế của Ninh Bình; Dự báo nhu cầu nghề nghiệp và lao động của Ninh Bình trong tương lai; Thông tin về vị trí việc làm trong ngành nghề phù hợp với bản thân.

(2) Nội dung: Thông tin phản ánh đầy đủ và chính xác, có ví dụ minh hoạ và minh chứng kèm theo.

(3) Trình bày kết quả dự án trước lớp: Diễn đạt lưu loát, thuyết phục.

Chủ đề 6

NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được khái niệm nông nghiệp thông minh.
- Nêu được vai trò, vị trí và triển vọng phát triển nền nông nghiệp thông minh tỉnh Ninh Bình.
- Nhận biết được xu hướng phát triển nông nghiệp thông minh ở tỉnh Ninh Bình.
- Mô tả được một số mô hình nông nghiệp thông minh của tỉnh Ninh Bình.

Bài 1. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH Ở NINH BÌNH

A. KHỞI ĐỘNG

Theo em, một người nông dân ở Ninh Bình có thể vừa ngồi uống nước chè trong nhà, vừa tưới nước cho hàng héc-ta rau màu ngoài đồng được không? Bằng cách nào?



Hình 6.1. Bác nông dân Ninh Bình
(Ảnh do AI tạo)

B. KHÁM PHÁ

1. Nông nghiệp thông minh

1.1. Khái niệm

Nông nghiệp thông minh là nền nông nghiệp ứng dụng các công nghệ hiện đại (như IoT, AI, Big Data) vào quy trình sản xuất nhằm tối ưu hoá năng suất, chất lượng và giảm thiểu công sức con người.

Nông nghiệp thông minh hoạt động dựa trên sự kết hợp của nhiều công nghệ kỹ thuật số như: IoT, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), robot & máy bay không người lái (Drone), blockchain giúp truy xuất nguồn gốc nông sản minh bạch.



Hình 6.2. Mô hình nông nghiệp thông minh
(Ảnh do AI tạo)

1.2. Từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp dữ liệu

Ông bà ta ngày xưa khi làm nông thường có câu:

*"Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm."*

Theo em, những người nông dân thế hệ 4.0 ngày nay ra đồng sẽ "trông" vào đâu?

Nông nghiệp truyền thống chủ yếu dựa vào sức lao động thủ công, các công cụ cơ giới đơn giản và kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thế hệ. Người nông dân hoàn toàn bị động trước thời tiết và sâu bệnh, dẫn đến năng suất bấp bênh và thường lãng phí tài nguyên như nước, phân bón do canh tác theo cảm tính.



Hình 6.3. Nông nghiệp truyền thống ở Ninh Bình

Nông nghiệp dữ liệu là phương thức canh tác sử dụng dữ liệu thu thập được làm cơ sở cho mọi quyết định canh tác. Mô hình này vận hành gồm ba bước lặp đi, lặp lại liên tục là: (1) Thu thập dữ liệu; (2) Xử lý và phân tích dữ liệu; (3) Ra quyết định giúp cá nhân hoá việc chăm sóc, tối ưu hoá nguồn lực, giảm thiểu triệt để sự lãng phí tài nguyên (nước, phân bón, thuốc trừ sâu,...), tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, phương thức này còn giúp dự đoán trước những rủi ro có thể gặp như năng suất mùa vụ, thời điểm bùng phát dịch bệnh để có biện pháp phòng ngừa sớm.



Hình 6.4. Nông nghiệp dữ liệu ở Ninh Bình

(Ảnh do AI tạo)

Sự chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp dữ liệu là một bước ngoặt trong tư duy sản xuất. Người nông dân chuyển từ phương thức canh tác truyền thống, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân như quan sát thời tiết “trông trời, trông đất, trông mây,...” sang phương thức nông nghiệp dữ liệu là dựa trên những con số, dữ liệu thực tế chính xác thu thập được từ các thiết bị giám sát môi trường và cây trồng, vật nuôi để đưa ra các quyết định gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch.

2. Vai trò, vị trí và triển vọng phát triển của nông nghiệp thông minh tỉnh Ninh Bình

2.1. Vai trò, vị trí của nông nghiệp thông minh trong cơ cấu kinh tế ở Ninh Bình

Nông nghiệp thông minh giúp nông dân Ninh Bình phát triển sản xuất bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường.

– *Tối ưu hoá năng suất và chất lượng nông sản*: Nhờ hệ thống cảm biến đo độ ẩm, nhiệt độ và ánh sáng, người nông dân có thể tạo ra môi trường sinh trưởng hoàn hảo nhất cho cây trồng và vật nuôi. Các công nghệ như camera và AI có thể quét cánh đồng để phát hiện sớm các dấu hiệu dịch bệnh, giúp xử lý kịp thời trước khi lây lan. Nhờ cảnh báo sớm, nông dân quản lý rủi ro và ứng phó kịp thời giảm thiểu thiệt hại, tiết kiệm nhân lực, thời gian, qua đó gia tăng đáng kể năng suất cùng chất lượng nông sản.

– *Tối ưu hoá quản lý tài nguyên*: Trước thực trạng đất nông nghiệp bị thu hẹp cùng thiên tai và biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, ngành nông nghiệp đang gặp nhiều khó khăn. Để tháo gỡ, nông nghiệp thông minh tại Ninh Bình đã ứng dụng công nghệ IoT, AI,... gồm các cảm biến, phần mềm và hệ thống tự động nhằm thu thập, phân tích dữ liệu về thời tiết, đất đai, sâu bệnh, cây trồng, đưa ra phương án giải quyết và chủ động giải quyết một cách tự động. Nhờ đó, nông dân sử dụng nguồn nước và phân bón một cách chính xác, giúp tối ưu hoá quá trình sản xuất đồng thời giảm thiểu đáng kể các tác động tiêu cực đến môi trường.

– *Thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu*: Dựa trên các dự báo thời tiết tiên tiến và phân tích dữ liệu lịch sử, nông dân có thể đưa ra các quyết định gieo trồng và thu hoạch phù hợp, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, bão lũ hay hạn hán gây ra.

– *Giải phóng sức lao động và nâng cao thu nhập*: Các loại robot thu hoạch, máy cày tự lái, hệ thống tưới nước tự động và hệ thống cho ăn tự động,... giúp giải phóng con người khỏi những công việc nặng nhọc. Sản phẩm sạch, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao dễ dàng tiếp cận các thị trường khó tính, mang lại thu nhập cao hơn cho người nông dân.

2.2. Triển vọng phát triển của nông nghiệp thông minh ở Ninh Bình

Dựa trên các xu hướng hiện tại, nông nghiệp thông minh tại Ninh Bình có triển vọng phát triển mạnh mẽ theo các xu hướng như sau:

– *Cơ giới hoá đồng bộ và tự động hoá*: Triển vọng mở rộng việc sử dụng thiết bị bay (drone) để phun thuốc, gieo hạt trên các cánh đồng mẫu lớn (như tại Yên Mô, Yên Khánh, Xuân Trường, Trục Ninh, Giao Thủy,...) và áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm nhờ sử dụng các cảm biến độ ẩm tại các vùng chuyên canh cây ăn quả (như vùng Dừa Tam Điệp).

– *Chuyển đổi số và quản trị thông minh*: Mục tiêu của nông nghiệp thông minh là phổ cập nhật kí điện tử và số hoá dữ liệu về đất đai, nguồn nước. Nhờ đó, việc dự báo dịch bệnh và mùa vụ sẽ chuẩn xác hơn, giúp giảm rủi ro sản xuất đồng thời kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc và chất lượng nông sản. Tương lai ngành này gắn liền với công nghệ chuỗi khối (blockchain) nhằm tạo ra hệ thống dữ liệu bất biến. Người mua chỉ cần quét mã QR là truy xuất được toàn bộ vòng đời của bó rau trên tay: từ loại hạt giống, quy trình chăm sóc, thu hoạch đến khâu vận chuyển.

– *Gắn kết với tăng trưởng xanh và du lịch*: Phát triển nông nghiệp thông minh theo hướng hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao không chỉ để sản xuất mà còn để phục vụ du lịch sinh thái. Triển vọng này đặc biệt rõ nét tại các khu vực như Hoa Lư, Gia Viễn (vùng đệm Tràng An), nơi nông nghiệp hỗ trợ cho ngành du lịch mũi nhọn của tỉnh.

– *Sự hình thành thế hệ nông dân công nghệ*: Sự phát triển này kéo theo sự thay đổi triệt để về nguồn nhân lực. Hình ảnh người nông dân truyền thống sẽ dần được thay thế bằng các “kỹ sư công nghệ nông nghiệp”, “nhà phân tích dữ liệu canh tác”. Điều này mở ra nhu cầu rất lớn về việc đổi mới chương trình giáo dục để đào tạo ra những thế hệ làm chủ công nghệ canh tác mới.

C. LUYỆN TẬP

1. Nông nghiệp thông minh hoạt động dựa trên sự kết hợp của các công nghệ nào?
 - A. Kinh nghiệm dân gian, công cụ thủ công và giống cây trồng truyền thống.
 - B. Công nghệ in 3D, năng lượng hạt nhân và nhiên liệu hoá thạch.
 - C. Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), drone và blockchain.
 - D. Máy cày cơ giới hoá và hệ thống tưới tiêu sử dụng sức kéo động vật.
2. Thiết bị công nghệ nào sau đây được người nông dân sử dụng để phun thuốc bảo vệ thực vật, gieo hạt và giám sát đồng ruộng trên quy mô lớn nhằm giảm sức lao động cho con người?
 - A. Hệ thống nhà màng, nhà kính.
 - B. Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động.
 - C. Thiết bị bay không người lái (drone).
 - D. Cảm biến đo độ ẩm và dinh dưỡng trong đất.
3. Trong xu hướng chuyển đổi số tại Ninh Bình, công nghệ blockchain được ứng dụng nhằm mang lại lợi ích cụ thể nào cho người tiêu dùng?
 - A. Điều khiển tự động hệ thống tưới nhỏ giọt trong nhà màng.
 - B. Hỗ trợ thiết bị bay không người lái (drone) tự động phun thuốc bảo vệ thực vật.
 - C. Giúp phân tích dữ liệu lịch sử thời tiết để phòng tránh bão lũ.
 - D. Giúp người mua quét mã QR để truy xuất toàn bộ nguồn gốc và quy trình sản xuất nông sản.

D. VẬN DỤNG

Cho tình huống sau:

Bác An là chủ một hợp tác xã nông nghiệp sở hữu cánh đồng lúa mẫu lớn tại xã Quang Hưng. Vào thời kì lúa trổ bông, thời tiết ẩm ướt khiến rầy nâu có nguy cơ bùng phát. Do diện tích quá lớn, nhân công khan hiếm, bác An không thể đi kiểm tra từng mét vuông lúa và cũng không muốn phun thuốc trừ sâu ồ ạt cho toàn bộ cánh đồng vì sợ gây ô nhiễm đất, nước và lãng phí chi phí.

Dựa vào kiến thức về “Nông nghiệp thông minh”, em hãy tư vấn cho bác An một giải pháp công nghệ kết hợp hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề trên.

Bài 2. MỘT SỐ MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH Ở TỈNH NINH BÌNH

A. KHỞI ĐỘNG



Hình 6.5. Nhà màng trồng dưa lưới tại xã Phú Long
(Ảnh tác giả)



Hình 6.6. Máy bay không người lái sử dụng trong nông nghiệp tại xã Liêm Hà
(Ảnh tác giả)

Quan sát hình 6.5, hình 6.6 và cho biết:

- Để vận hành các khu sản xuất như trong hình, người nông dân có thể ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật mới nào?
- Việc áp dụng các công nghệ mà em đã chỉ ra giúp ích gì cho người nông dân trong sản xuất?

B. KHÁM PHÁ

1. Một số mô hình nông nghiệp thông minh ở tỉnh Ninh Bình

1.1. Mô hình nhà màng trồng hoa và rau, quả sạch

Nhà màng sử dụng trong sản xuất nông nghiệp là một mô hình khép kín và sử dụng nhiều công nghệ tự động. Khung nhà thường làm bằng thép mạ kẽm nóng có khả năng chịu lực cao, thiết kế dạng mái vòm hoặc mái nhọn giúp thoát nước mưa nhanh và tối ưu hoá lượng ánh sáng tự nhiên chiếu vào. Màng phủ chuyên dụng (Polyethylene – PE) không chỉ có tác dụng chống mưa, ngăn côn trùng gây hại mà còn có tác dụng khuếch tán ánh sáng đi sâu vào các tầng lá, ngăn tia UV, giảm thiểu nấm bệnh,...

Nhà màng sử dụng các cảm biến thu thập dữ liệu về điều kiện môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, độ pH, nồng độ khí CO₂,...) theo thời gian thực và gửi dữ liệu về bộ xử lý trung tâm (IoT & AI). Bộ xử lý trung tâm nhận, phân tích dữ liệu và chuyển thông tin đến hệ thống điều khiển để điều khiển các thiết bị quạt hút, quạt thông gió, máy bơm,... Người nông dân có thể cập nhật các thông tin về quá trình điều khiển thiết bị, điều kiện môi trường, dữ liệu cây trồng trong nhà màng thông qua quá trình liên kết với điện thoại thông minh, internet vạn vật kết nối.

Nhà màng có nhiều lợi ích trong trồng trọt do có thể kiểm soát và điều chỉnh được các tác động có hại cho cây trồng so với môi trường tự nhiên, góp phần nâng cao năng suất, sản xuất trái vụ, tiết kiệm nước và phân bón, tăng chất lượng sản phẩm nông sản, đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất rau, quả sạch.

Trong hệ thống nhà màng, bộ xử lý trung tâm đóng vai trò như thế nào trong việc kết nối giữa các cảm biến và các thiết bị thực thi như máy bơm hay quạt hút? Theo em, việc sản xuất "trái vụ" trong nhà màng mang lại lợi ích kinh tế gì cho người nông dân Ninh Bình so với canh tác truyền thống?



**Hình 6.7. Nhà màng trồng hoa
tại phường Phù Vân**
(Ảnh tác giả)



**Hình 6.8. Nhà màng trồng rau sạch
tại xã Vĩnh Trụ**
(Ảnh tác giả)

1.2. Mô hình chuồng nuôi kín

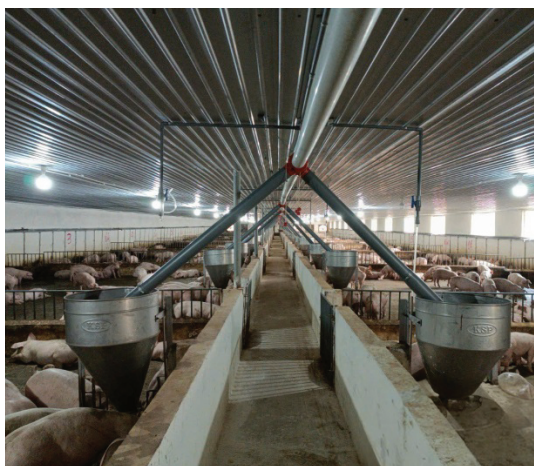
Chuồng nuôi kín là mô hình chăn nuôi áp dụng công nghệ tiên tiến đảm bảo năng suất và chất lượng, kiểm soát được các dịch bệnh hay gặp trên vật nuôi. Chuồng nuôi kín có kết cấu tường, trần làm bằng vật liệu cách nhiệt để ngăn chặn sự thất thoát nhiệt và chống lại sức nóng của mặt trời. Chuồng được trang bị hệ thống làm mát (Cooling Pad) ở đầu lấy khí gồm các khung giá đỡ lắp các tấm

giấy làm mát, nước được tưới đều lên các tấm giấy này, không khí nóng đi qua các tấm giấy sẽ giảm một phần nhiệt độ. Cuối chuồng lắp quạt hút thổi khí trong chuồng nuôi ra ngoài tạo áp suất cho đầu vào cung cấp khí mới.

Chuồng nuôi kín áp dụng công nghệ cho ăn, uống tự động thông qua hệ thống dẫn thức ăn từ tháp cao (silo) vào các máng ăn, có các núm uống chống tràn đảm bảo sạch, khô ráo, giúp tiết kiệm nhân công và hạn chế tối đa việc con người tiếp xúc trực tiếp với vật nuôi. Hệ thống chiếu sáng có khả năng điều chỉnh cường độ ánh sáng để kích thích sinh trưởng, phù hợp với chu kỳ vật nuôi.

Hệ thống điều khiển và giám sát gồm các cảm biến đo nhiệt độ, độ ẩm được đặt ở các vị trí trong chuồng. Khi nhiệt độ trong chuồng tăng, hệ thống điều khiển bật thêm quạt gió hoặc hệ thống làm mát. Trong hệ thống chuồng nuôi kín phải có máy phát điện dự phòng.

Chuồng nuôi kín có tác dụng kiểm soát nhiệt độ hoàn hảo, là “lá chắn” tốt nhất ngăn chặn được các nguồn dịch bệnh vật nuôi, tối ưu hoá hiệu quả sử dụng thức ăn, tăng mật độ chăn nuôi trên một đơn vị diện tích chuồng nuôi.



Hình 6.9. Mô hình chăn nuôi lợn thảo dược tại xã Minh Thái
(Ảnh tác giả)



Hình 6.10. Mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng tại xã Hải Xuân
(Ảnh tác giả)

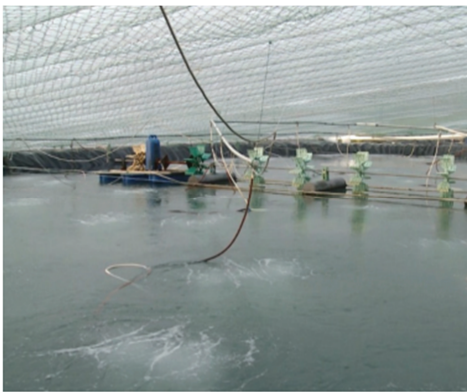
Vì sao trong hệ thống chuồng nuôi kín, việc trang bị máy phát điện dự phòng là một yêu cầu bắt buộc và vô cùng quan trọng?

1.3. Mô hình nuôi thủy sản trong nhà kính

Nuôi thủy sản trong nhà kính đang được áp dụng rộng rãi tại tỉnh Ninh Bình đặc biệt là các xã ven biển. Nhà kính có tác dụng ngăn mưa, che nắng gắt, ngăn tảo có hại phát triển quá mức, ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất nhằm cải thiện môi trường. Đáy và bờ ao được lót bạt chống thấm chuyên dụng để ngăn nước thấm qua đất, hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm ảnh hưởng đến các

loài thủy sản nuôi. Nhà kính được trang bị các thiết bị, máy móc công nghệ cao để phục vụ sản xuất (hệ thống camera để theo dõi và quản lý ao nuôi, máy cho ăn tự động để giảm sức lao động và tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, máy phát điện tự động, máy quạt nước, máy sục khí, máy phun mưa thông qua thiết bị điều khiển từ xa).

So với việc nuôi thủy sản ngoài trời truyền thống, mô hình nuôi thủy sản trong nhà kính tại các xã ven biển tỉnh Ninh Bình có những ưu điểm vượt trội nào về môi trường và năng suất chất lượng sản phẩm?



Hình 6.11. Mô hình nuôi tôm trong nhà kính tại xã Bình Minh
(Nguồn GDP Ninh Bình cũ)



Hình 6.12. Khu nuôi tôm công nghệ cao tại xã Giao Ninh
(Ảnh tác giả)

2. Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông minh trong sản xuất một sản phẩm nông nghiệp tại địa phương

2.1. Tên kế hoạch: “Sáng kiến nông nghiệp thông minh quê em”

Đóng vai là những “kỹ sư nông nghiệp tương lai”, đề xuất giải pháp áp dụng các công nghệ cao vào trồng trọt hoặc chăn nuôi một loại cây trồng, vật nuôi cụ thể tại địa phương.

2.2. Các nội dung chính của kế hoạch

a) Phân tích thực trạng: Lựa chọn một đối tượng sản xuất tại địa phương và chỉ ra những khó khăn nếu thực hiện theo cách truyền thống, có thể tham khảo ý kiến người dân địa phương.

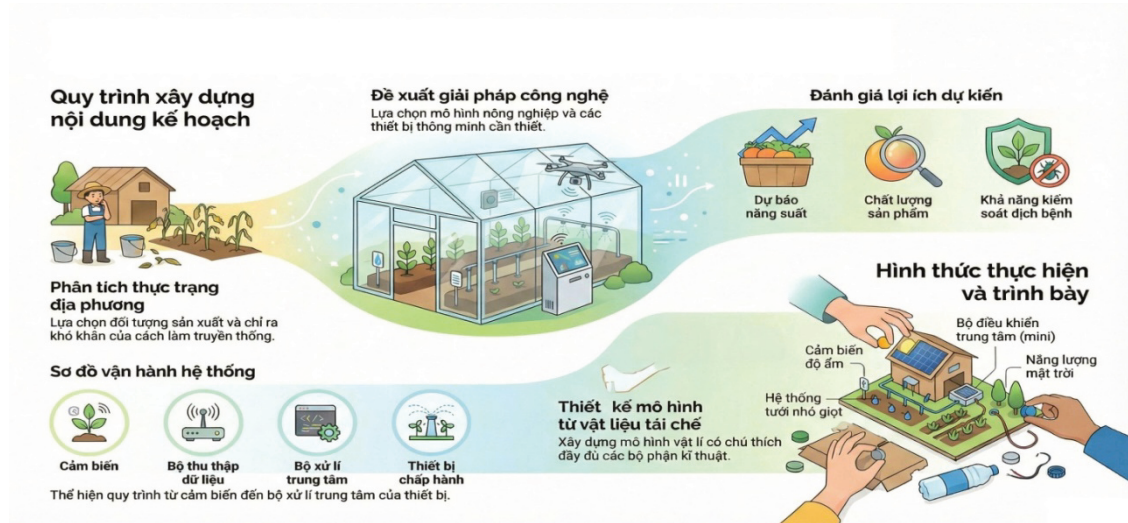
b) Đề xuất giải pháp công nghệ: Lựa chọn mô hình phù hợp, các thiết bị thông minh cần thiết.

c) Đánh giá lợi ích: Dự báo năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng kiểm soát dịch bệnh khi áp dụng mô hình mới, khả năng xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm.

2.3. Hình thức trình bày kế hoạch

a) **Thiết kế mô hình của kế hoạch:** Sử dụng vật liệu tái chế để làm mô hình có chú thích các bộ phận kỹ thuật liên quan đến các thiết bị công nghệ.

b) **Nội dung của báo cáo kế hoạch:** Trình bày được các nội dung cụ thể, nêu được sơ đồ vận hành của hệ thống điều khiển thông minh từ cảm biến đến bộ xử lý trung tâm.



Hình 6.13. Sơ đồ quy trình kế hoạch

C. LUYỆN TẬP

Em hãy mô tả một mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh ở địa phương em.

D. VẬN DỤNG

Từ nội dung mục II của bài học, hãy xây dựng một báo cáo về sơ đồ vận hành hệ thống điều khiển thông minh cho một đối tượng (cây trồng, vật nuôi) cụ thể tại địa phương.

Gợi ý: Chia sơ đồ trên thành 3 khối cơ bản:

- Khối thu thập thông tin** (các cảm biến)
- Khối xử lý dữ liệu** (bộ xử lý trung tâm)
- Khối thực thi** (thiết bị chấp hành)

Em có biết:

CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA MÀNG PE

1. Tính chất quang học

– Độ truyền sáng: Thường dao động từ 85 đến 92 % lượng ánh sáng tự nhiên. Màng tốt phải cho phép ánh sáng hữu hiệu đi qua tối đa.

– Độ khuếch tán ánh sáng: Màng PE hiện đại có các hạt khuếch tán giúp ánh sáng không đi thẳng mà toả đều mọi góc ngách. Điều này giúp lá dưới thấp cũng nhận được năng lượng và tránh tình trạng “cháy lá” do ánh sáng quá gắt.

2. Tính chất nhiệt học

– Ngăn tia hồng ngoại: Màng PE cao cấp có khả năng giữ lại bức xạ nhiệt bên trong nhà màng vào ban đêm, giúp duy trì nhiệt độ ấm áp hơn so với bên ngoài vào mùa đông.

– Chống sốc nhiệt: Giúp ổn định nhiệt độ, tránh việc tăng hoặc giảm nhiệt quá đột ngột gây hại cho cây.

3. Tính chất bề mặt

– Chống đọng sương: Đây là tính năng cực kì quan trọng. Nó khiến hơi nước ngưng tụ thành lớp màng mỏng chảy về hai phía thay vì nhỏ giọt trực tiếp xuống lá, giúp giảm thiểu nấm bệnh.

– Chống bám bụi: Bề mặt màng được xử lí trơn láng để bụi bẩn dễ trôi đi khi mưa, đảm bảo độ trong suốt theo thời gian.

4. Tính chất cơ lí và độ bền

– Độ dẻo dai và chịu lực: Màng PE được chế tạo nhiều lớp (thường là 3 – 5 lớp) để tăng khả năng chịu gió to, mưa đá và sức căng khi thi công.

– Kháng tia UV: Bản chất nhựa PE sẽ bị mủn dưới nắng mặt trời. Do đó, màng phải được thêm chất ổn định để kéo dài tuổi thọ (thường là 3 – 5 năm tùy loại).

Bảng giải thích thuật ngữ

Danh mục từ tra cứu

Bản quyền/nguồn hình ảnh

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NINH BÌNH – LỚP 10
